

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Đào Thị Thu Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG
MẠI HÀ VƯƠNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đào Thị Thu Thảo
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Kim Oanh**

HẢI PHÒNG – 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đào Thị Thu Thảo

Mã SV:1512401044

Lớp: QT1902K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình
tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Hà Vương

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - ✓ Tìm hiểu lý luận về công tác lập và phân tích lập Báo cáo tình hình tài chính trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.
 - ✓ Tìm hiểu thực tế công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại đơn vị thực tập.
 - ✓ Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính năm 2017 tại Công ty TNHH TM Hà Vương
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương Mại Hà Vương

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Hà Vương

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 18 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 11 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 20..

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: Phạm Thị Kim Oanh

Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Họ và tên sinh viên: Đào Thị Thu Thảo Chuyên ngành: Kế toán – Kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương.

Nội dung hướng dẫn: Lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình viết khóa luận tốt nghiệp
- Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính .
- Chăm chỉ, chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp góp phần hoàn thiện đề tài nghiên cứu.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Tác giả đã hệ thống hóa được lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính
- Mô tả và phân tích được thực trạng công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương.
- Những kiến nghị, đề xuất gắn với thực tiễn giúp hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	9
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP	3
VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG	3
DOANH NGHIỆP	3
1.1 Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính (BCTC) trong các doanh nghiệp (DN).	3
1.1.1 Khái niệm và sự cần thiết của BCTC trong công tác quản lý DN.....	3
1.1.2 Mục đích và vai trò của Báo cáo tài chính.....	4
1.1.3 Đối tượng áp dụng.....	5
1.1.4 Yêu cầu của Báo cáo tài chính.....	5
1.1.5 Những nguyên tắc cơ bản lập và trình bày Báo cáo tài chính.....	6
1.1.6 Hệ thống Báo cáo tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính	7
1.2 Báo cáo tình hình tài chính và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính.	9
1.2.1 Báo cáo tình hình tài chính và kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính.	9
1.2.2 Cơ sở số liệu, trình tự và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính. ..	14
1.3 Phân tích Báo cáo tình hình tài chính... ..	19
1.3.1 Sự cần thiết của việc phân tích BCTHTC.....	19
1.3.2 Các phương pháp phân tích BCTHTC.	20
1.3.3 Nội dung phân tích Báo cáo tình hình tài chính.....	21
CHƯƠNG 2: THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH.....	25
THƯƠNG MẠI HÀ VƯƠNG.....	25
2.1 Tổng quát về Công ty TNHH TM Hà Vương.	25
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM Hà Vương.	25
2.1.2 Thuận lợi, khó khăn và những thành tích đạt được của Công ty TNHH TM Hà Vương trong những năm gần đây.	25
2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH TM Hà Vương.....	26
2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH TM Hà Vương.	30
2.2 Thực trạng công tác lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương.....	32
2.2.1 Căn cứ lập báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương	32

2.2.2 Quy trình lập bảng CĐKT tại Công ty TNHH TM Hà Vương.	32
2.2.3 Nội dung các bước lập BCTHTC tại Công ty TNHH TM Hà Vương.	33
2.3 : Thực trạng công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương.....	58
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH TM HÀ VƯƠNG.....	59
3.1: Một số định hướng phát triển của Công ty TNHH TM Hà Vương trong thời gian tới.	59
3.2 : Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích BCTHTC nói riêng tại Công ty TNHH TM Hà Vương.....	59
3.2.1 : Những ưu điểm:.....	59
3.3 : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương.	61
3.3.1 Ý kiến thứ nhất: Nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán.....	61
3.3.2 Ý kiến thứ hai: Công ty TNHH TM Hà Vương nên thực hiện công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính.....	61
3.3.3 Ý kiến thứ ba: Công ty TNHH TM Hà Vương nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.	68
KẾT LUẬN.....	72
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73

MỤC LỤC BẢNG BIỂU

Biểu 1.1 : Mẫu báo cáo tình hình tài chính (Theo thông số133/2016/TT-BTC) .	11
Biểu 1.2: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản	22
Biểu 1.3: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn.....	23
Biểu số 2.1: Phiếu chi.....	34
Biểu 2.2 : Giấy báo có	35
Biểu số 2.3 :Sổ nhật ký chung	36
Biểu số 2.4 Sổ cái TK 111	37
Biểu số 2.5 : Sổ cái TK 112.....	38
Biểu 2.6: Sổ cái TK 131	40
Biểu 2.7: Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng	41
Biểu số 2.8: Sổ cái TK 331	42
Biểu 2.9 :Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán	43
Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 111	47
Bảng 2.11 : Bảng cân đối kế toán năm 2017.....	48
Biểu 2.12 : Báo cáo tình hình tài chính của Công ty năm 2017.....	56
Biểu 3.1: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản của Công ty TNHH TM Hà Vương	63
Biểu 3.2: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty TNHH TM Hà Vương	66
Biểu 3.3: Bảng phân tích khả năng thanh toán.....	68
Biểu 3.4: Giao diện làm việc của phần mềm kế toán misa sme.net 2019	69
Biểu 3.5: Giao diện làm việc phần mềm kế toán Bravo 6.3se	70
Biểu 3.6: Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Fast Accounting	71

MỤC LỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình lập Báo cáo tình hình tài chính.	14
Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH TM Hà Vương.....	27
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	30
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán NKC của công ty TNHH TM Hà Vương.	31
Sơ đồ 2.4: Tổng hợp các bút toán kết chuyển tại Công ty TNHH TM Hà Vương năm 2017.....	44

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

1.BCTC	Báo cáo tài chính
2.TT-BTC	Thông tư của Bộ tài chính
3.BCTHTC	Báo cáo tình hình tài chính
4.HĐKD	Hoạt động kinh doanh
5.TT-BTC	Thông tư của Bộ Tài chính
6.BCĐTK	Bảng cân đối tài khoản
7.TSCĐ	Tài sản cố định
8.DN	Doanh nghiệp
9.TK	Tài khoản
10.NĐ-CP	Nghị định của Chính Phủ
11. TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
12.NH	Ngắn hạn
13. SXKD	Sản xuất kinh doanh

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ như hiện nay, kế toán đã trở thành công cụ đặc biệt quan trọng. Bằng các hệ thống khoa học kế toán đã thể hiện được tính ưu việt của mình trong việc bao quát toàn bộ tình hình tài chính và quá trình sản xuất kinh doanh của công ty một cách đầy đủ, chính xác. Cũng giống như nhiều doanh nghiệp khác để hòa nhập với nền kinh tế thị trường, Công ty TNHH Thương Mại Hà Vương luôn chú trọng công tác hạch toán kế toán sao cho ngày càng hoàn thiện và đạt kết quả tốt hơn.

Báo cáo tình hình tài chính có vai trò rất quan trọng là báo cáo tổng hợp phản ánh tổng quát giá trị tài sản hiện có và nguồn vốn hình thành tài sản của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Báo cáo tình hình tài chính và việc phân tích tình hình tài chính sẽ giúp cho các doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm thấy rõ được thực trạng hoạt động tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Thương Mại Hà Vương, nhận thấy công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính chưa được tiến hành và quá trình lập Báo cáo tình hình tài chính toán tại Công ty còn gặp một số hạn chế nên công tác kế toán chưa cung cấp được đầy đủ thông tin phục vụ hoạt động quản lý tài chính doanh nghiệp dẫn đến nhà quản trị chưa đưa ra được các quyết định quản trị đúng đắn. Cộng thêm với việc nhận thức được tầm quan trọng của việc lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính, em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài “Lập và phân tích báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Hà Vương”.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận tốt nghiệp được chia thành 3 chương như sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác lập và phân tích báo cáo tình hình tài chính trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực tế công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Hà Vương.

Chương 3: Một số giải pháp để hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH Thương Mại Hà Vương.

Bài khóa luận của em hoàn thành được là nhờ sự giúp đỡ và tạo điều kiện của Ban lãnh đạo cùng các cô, các chú, các bác trong Công ty, đặc biệt là sự chỉ bảo tận tình của giảng viên hướng dẫn. Tuy nhiên, do còn hạn chế nhất định về trình độ và thời gian nên bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính (BCTC) trong các doanh nghiệp (DN).

1.1.1 *Khái niệm và sự cần thiết của Báo cáo tài chính trong công tác quản lý DN.*

1.1.1.1 *Khái niệm Báo cáo tài chính.*

Báo cáo tài chính (BCTC) là hệ thống báo cáo được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu của đơn vị. Theo đó, báo cáo tài chính chứa đựng những thông tin tổng hợp nhất về tình hình tài sản, nguồn vốn chủ sở hữu và công nợ cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp.

1.1.1.2 *Sự cần thiết của BCTC trong công tác quản lý DN.*

Các nhà quản trị muốn đưa ra được các quyết định kinh doanh thì họ đều căn cứ vào điều kiện hiện tại và những dự đoán về tương lai, dựa trên những thông tin có liên quan đến quá khứ và kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp đã đạt được. Những thông tin đáng tin cậy đó được doanh nghiệp lập trên các BCTC.

Xét trên tầm vi mô, nếu không thiết lập hệ thống BCTC thì khi phân tích tình hình tài chính kế toán hay tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, các nhà đầu tư cũng như chủ nợ, khách hàng,... sẽ không có cơ sở để biết về tình hình tài chính của doanh nghiệp cho nên họ khó có thể đưa ra những quyết định hợp tác kinh doanh và nếu có thì những quyết định ấy sẽ có rủi ro cao.

Xét trên tầm vĩ mô, Nhà nước không thể quản lý được hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các ngành khi không có hệ thống BCTC. Vì mỗi chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm rất nhiều các nghiệp vụ kinh tế và có rất nhiều các hóa đơn, chứng từ,... Việc kiểm tra các chứng từ, hóa đơn đó rất khó khăn, tốn kém và độ chính xác không cao. Vì vậy, Nhà nước phải dựa vào hệ thống BCTC để điều tiết và quản lý nền kinh tế, nhất là nền kinh tế nước ta là nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Do đó, hệ thống BCTC là rất cần thiết đối với mọi nền kinh tế, đặc biệt là đối với nền kinh tế thị trường hiện nay của nước ta.

1.1.2 Mục đích và vai trò của Báo cáo tài chính.

1.1.2.1 Mục đích của Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính phải cung cấp đầy đủ những thông tin của một doanh nghiệp về:

- Tài sản.
- Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.
- Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác.
- Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh.
- Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước.
- Các tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán.
- Các luồng tiền.

Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp cần phải cung cấp các thông tin khác trong “Bản thuyết minh Báo cáo tài chính” nhằm giải thích thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các Báo cáo tài chính tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nhiệm vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày Báo cáo tài chính.

1.1.2.2 Vai trò của Báo cáo tài chính.

BCTC là nguồn thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn chủ yếu phục vụ cho các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp như: Các cơ quan nhà nước, các nhà đầu tư hiện tại và đầu tư tiềm năng, kiểm toán viên độc lập và các đối tượng có liên quan,... Nhờ những thông tin này mà các đối tượng sử dụng có thể đánh giá chính xác hơn về năng lực của doanh nghiệp.

- ***Đối với nhà quản lý doanh nghiệp:*** BCTC cung cấp những chỉ tiêu kinh tế dưới dạng tổng hợp sau một kỳ hoạt động giúp cho họ trong việc phân tích và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, xác định nguyên nhân tồn tại và những khả năng tiềm tàng của doanh nghiệp. Từ đó có thể đưa ra các giải pháp, quyết định quản lý kịp thời, phù hợp cho sự phát triển của doanh nghiệp mình trong tương lai.

- ***Đối với các cơ quan quản lý chức năng của Nhà nước:*** BCTC là nguồn tài liệu quan trọng cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thực hiện các chính sách, chế độ về quản lý kinh tế - tài chính của doanh nghiệp. Ví dụ như:

- *Cơ quan thuế*: Kiểm tra tình hình thực hiện và chấp hành các loại thuế, xác định chính xác số thuế phải nộp, đã nộp, số thuế được khấu trừ, miễn giảm của doanh nghiệp.

- *Cơ quan tài chính*: Kiểm tra, đánh giá tình hình và hiệu quả sử dụng vốn của các doanh nghiệp Nhà nước, kiểm tra việc chấp hành các chính sách quản lý nói chung và chính sách quản lý vốn nói riêng,...

- ***Đối với các đối tượng sử dụng khác:***

- *Các nhà đầu tư*: BCTC thể hiện tình hình tài chính, khả năng sử dụng hiệu quả các loại vốn, khả năng sinh lời, từ đó làm cơ sở tin cậy cho quyết định đầu tư vào doanh nghiệp.

- *Các chủ nợ*: BCTC cung cấp về khả năng thanh toán của doanh nghiệp, từ đó chủ nợ đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc cho vay đối với doanh nghiệp.

- *Các nhà cung cấp*: BCTC cung cấp các thông tin mà từ đó họ có thể phân tích khả năng cung cấp của doanh nghiệp, từ đó đưa ra quyết định tiếp tục hay ngừng việc cung cấp hàng hóa dịch vụ đối với doanh nghiệp.

- *Cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp*: BCTC giúp cho người lao động hiểu rõ hơn về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, từ đó giúp họ ý thức hơn trong sản xuất, đó là điều kiện gia tăng doanh thu và chất lượng sản phẩm của doanh nghiệp trên thị trường.

1.1.3 Đối tượng áp dụng.

Hệ thống BCTC năm được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực và mọi thành phần kinh tế. Riêng các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tuân thủ các quy định chung tại phần này và những quy định, hướng dẫn cụ thể phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại chế độ kế toán của doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Một số trường hợp đặc biệt khác như: Ngân hàng, các tổ chức tín dụng, tập đoàn, các đơn vị kế toán hạch toán phụ thuộc,... việc lập và trình bày loại BCTC nào phải phụ thuộc vào quy định riêng cho từng đối tượng.

1.1.4 Yêu cầu của Báo cáo tài chính.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”, lập và trình bày BCTC phải tuân thủ các yêu cầu sau:

- Đảm bảo tính trung thực và hợp lý: Các BCTC phải được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, các quy định có liên quan hiện hành.

- Phản ánh đúng bản chất của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Trình bày khách quan và thận trọng.
- Trình bày đầy đủ mọi khía cạnh trọng yếu.

Việc lập BCTC phải căn cứ trên số liệu khi đã khóa sổ kế toán. BCTC phải trình bày đúng nội dung, phương pháp và nhất quán giữa các kỳ kế toán. BCTC phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật đơn vị kế toán ký và đóng dấu của đơn vị.

1.1.5 Những nguyên tắc cơ bản lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày BCTC phải tuân thủ 6 nguyên tắc đã được quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”, bao gồm:

1.1.5.1 Hoạt động liên tục.

Khi trình bày BCTC, Giám đốc doanh nghiệp cần phải đánh giá về khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. BCTC phải được lập trên cơ sở giả định doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Giám đốc doanh nghiệp cần xem xét, cân nhắc đến mọi thông tin có liên quan để dự đoán tương lai hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.5.2 Cơ sở dồn tích.

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính liên quan đến doanh nghiệp phải được ghi sổ vào thời điểm phát sinh nghiệp vụ, không cần quan tâm đến việc đã thu tiền, chi tiền hay chưa. BCTC phải được lập trên cơ sở dồn tích phản ánh tình hình tài chính của doanh nghiệp trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

1.1.5.3 Tính nhất quán

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong BCTC phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác trừ khi:

- Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hay khi xem xét lại việc trình bày BCTC cho thấy rằng cần phải thay đổi để trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và sự kiện.
- Một chuẩn mực kế toán khác có yêu cầu sự thay đổi trong việc trình bày.

1.1.5.4 Trọng yếu và tập hợp.

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong BCTC, các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào các khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

1.1.5.5 Bù trừ.

Theo nguyên tắc này thì các khoản mục tài sản và nợ phải trả phải được trình bày trên BCTC không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ. Các khoản mục doanh thu, chi phí chỉ được bù trừ khi:

- Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác.
- Một số giao dịch ngoài hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thì được bù trừ khi ghi nhận giao dịch và trình bày BCTC, ví dụ như: Hoạt động kinh doanh ngắn hạn, kinh doanh ngoại tệ,... Đối với các khoản mục được phép bù trừ, trên BCTC chỉ trình bày số lãi hoặc lỗ thuần (sau khi bù trừ).

1.1.5.6 Có thể so sánh.

Các thông tin bằng số liệu trong BCTC nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong BCTC của kỳ trước. Các thông tin so sánh cần bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều này là cần thiết giúp cho người sử dụng hiểu rõ được BCTC của kỳ hiện tại.

1.1.6 Hệ thống Báo cáo tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.

1.1.6.1 Hệ thống Báo cáo tài chính theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính.

- Hệ thống BCTC quy định cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:
 - Báo cáo bắt buộc:
 - Báo cáo tình hình tài chính: Mẫu số B01a – DNN;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B02 – DNN;
 - Bản thuyết minh Báo cáo tài chính: Mẫu số B09 – DNN

BCTC gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu sau:

- + Bảng cân đối tài khoản : Mẫu số F01-DNN
- Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Mẫu số B03-DNN

Ngoài ra, để phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp có thể lập thêm các BCTC chi tiết khác.

Nội dung, phương pháp tính toán, hình thức trình bày các chỉ tiêu trong từng báo cáo quy định trong chế độ này được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc đối tượng áp dụng hệ thống BCTC này.

Trong quá trình áp dụng nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể bổ sung các chỉ tiêu cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Trường hợp có sửa đổi thì phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

1.1.6.2 Trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính:

Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp chịu trách nhiệm về lập và trình bày BCTC. Bao gồm tất cả các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế.

Việc lập và trình bày BCTC của các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực đặc thù tuân thủ theo quy định tại chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận do ngành ban hành.

1.1.6.3 Kỳ lập Báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính:

- Kỳ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là kỳ kế toán năm. Kỳ kế toán năm là 12 tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Đơn vị kế toán có đặc thù riêng về tổ chức, hoạt động được chọn kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau và thông báo cho cơ quan Thuế biết.

- Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập và nộp BCTC cho các cơ quan Nhà nước theo kỳ kế toán năm.

1.1.6.4 Thời hạn nộp Báo cáo tài chính.

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính:

- Đối với các Công ty TNHH, Công ty Cổ phần và các hợp tác xã, thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với doanh nghiệp tư nhân và Công ty hợp danh, thời hạn nộp Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

1.2 Báo cáo tình hình tài chính và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính.

1.2.1 Báo cáo tình hình tài chính và kết cấu của Báo cáo tình hình tài chính.

1.2.1.1 Khái niệm Báo cáo tình hình tài chính.

Báo cáo tình hình tài chính (BCTHTC) là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát toàn bộ giá trị tài sản hiện có và nguồn vốn hình thành tài sản đó của doanh nghiệp tại một thời điểm nhất định. Số liệu trên BCTHTC cho biết toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp theo cơ cấu tài sản, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó. Căn cứ vào BCTHTC có thể nhận xét, đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp.

1.2.1.2 Tác dụng của Báo cáo tình hình tài chính.

- Cung cấp số liệu cho việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Thông qua số liệu trên BCTHTC cho biết tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp đến thời điểm lập báo cáo.

- Căn cứ vào BCTHTC có thể đưa ra nhận xét, đánh giá khái quát chung tình hình tài chính của doanh nghiệp, cho phép đánh giá một số chỉ tiêu kinh tế tài chính Nhà nước của doanh nghiệp.

- Thông qua số liệu trên BCTHTC có thể kiểm tra việc chấp hành các chế độ kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

1.2.1.3 Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tình hình tài chính.

Theo quy định tại *Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”*, khi lập và trình bày BCTHTC cần tuân thủ các nguyên tắc chung về lập và trình bày BCTHTC.

Ngoài ra, trên BCTHTC, các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả phải được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau:

• Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường trong vòng 12 tháng, Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại ngắn hạn.

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng tới trở lên kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được xếp vào loại dài hạn.

• Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kế toán bình thường dài hơn 12 tháng thì Tài sản và Nợ phải trả được phân thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện sau:

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại ngắn hạn.

- Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong thời gian dài hơn một chu kỳ kinh doanh bình thường, được xếp vào loại dài hạn.

Trong trường hợp này, doanh nghiệp phải thuyết minh rõ đặc điểm xác định chu kỳ kinh doanh thông thường, thời gian bình quân của chu kỳ kinh doanh thông thường, các bằng chứng về chu kỳ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp cũng như của ngành, lĩnh vực doanh nghiệp hoạt động.

• Đối với những doanh nghiệp do tính chất hoạt động không thể dựa vào chu kỳ kinh doanh để phân biệt giữa ngắn hạn và dài hạn, thì các Tài sản và Nợ phải trả được trình bày theo tính thanh khoản giảm dần.

1.2.1.4 *Kết cấu và nội dung của Báo cáo tình hình tài chính.*

BCTHTC có 2 loại kết cấu, theo chiều dọc và theo chiều ngang. Nhưng dù là kết cấu theo chiều dọc hay theo chiều ngang thì đều gồm hai phần:

• **Phần Tài sản:** Phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của doanh nghiệp đến cuối kỳ kế toán đang tồn tại dưới dạng các hình thái và trong tất cả các giai đoạn, các khâu của quá trình kinh doanh. Các chỉ tiêu phản ánh trong phần tài sản được sắp xếp theo nội dung kinh tế của các loại tài sản của doanh nghiệp trong quá trình tái sản xuất.

Phần Tài sản được chia thành hai loại: Tài sản ngắn hạn và Tài sản dài hạn.

• **Phần nguồn vốn:** Phản ánh nguồn hình thành các loại tài sản của doanh nghiệp đến cuối kỳ hạch toán. Các chỉ tiêu ở phần nguồn vốn được sắp xếp theo từng nguồn hình thành tài sản của đơn vị. Tỷ lệ và kết cấu của từng nguồn vốn trong tổng số nguồn vốn hiện có phản ánh tính chất hoạt động, thực trạng tài chính của doanh nghiệp.

Phần nguồn vốn được chia thành 2 loại: Nợ phải trả và Nguồn vốn chủ sở hữu.

Ngoài phần kết cấu chính, BCTHTC còn có phần chỉ tiêu ngoài BCTHTC. Hệ thống các chỉ tiêu được phân loại và sắp xếp thành từng loại, mục cụ thể và được mã hóa để thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

Biểu 1.1: *Mẫu Báo cáo tình hình tài chính (Theo thông số 133/2016/TT-BTC)*

Đơn vị báo cáo:.....

Mẫu số B01a - DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày ... tháng ... năm ...

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính:.....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			
II. Đầu tư tài chính	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		(...)	(...)
III. Các khoản phải thu	130			
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		(...)	(...)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(...)	(...)
V. Tài sản cố định	150			
- Nguyên giá	151			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(...)	(...)
VI. Bất động sản đầu tư	160			
- Nguyên giá	161			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		(...)	(...)
VII. XDCB dở dang	170			
VIII. Tài sản khác	180			
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181			
2. Tài sản khác	182			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	200			
NGUỒN VỐN				
I. Nợ phải trả	300			
1. Phải trả người bán	311			
2. Người mua trả tiền trước	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313			
4. Phải trả người lao động	314			
5. Phải trả khác	315			
6. Vay và nợ thuê tài chính	316			

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8. Dự phòng phải trả	318			
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319			
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
II. Vốn chủ sở hữu	400			
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(...)	(...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	500			

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại "Mã số" chỉ tiêu.

(2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".

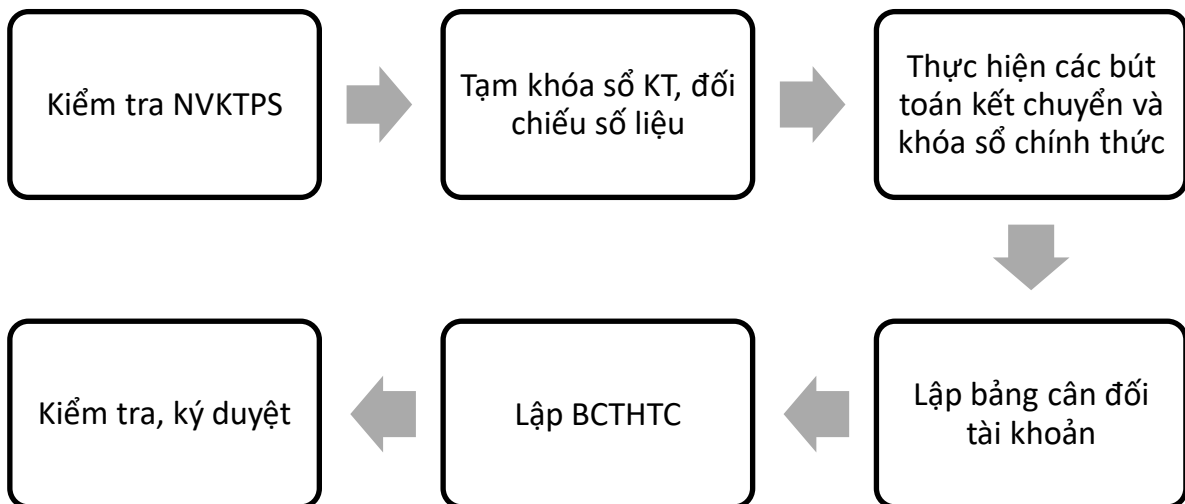
(4) Đối với trường hợp thuê dịch vụ làm kế toán, làm kế toán trưởng thì phải ghi rõ số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, tên đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán.

1.2.2 Cơ sở số liệu, trình tự và phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính.**1.2.2.1 Cơ sở số liệu trên Báo cáo tình hình tài chính.**

- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp chi tiết.
- Căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết hoặc Bảng tổng hợp chi tiết.
- Căn cứ vào BCTHTC kế toán năm trước (để trình bày cột đầu năm).

1.2.2.2 Trình tự lập Báo cáo tình hình tài chính

- Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ.
- Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán, đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán liên quan.
- Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và thực hiện khóa sổ kế toán chính thức.
- Bước 4: Lập bảng cân đối tài khoản.
- Bước 5: Lập bảng báo cáo tình hình tài chính(B01a-DNN)
- Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt.

Sơ đồ 1.1: Quy trình lập Báo cáo tình hình tài chính.**1.2.2.3 Phương pháp lập Báo cáo tình hình tài chính.**

- Cột “Mã số” dùng để cộng khi lập BCTC tổng hợp hoặc BCTC hợp nhất.
- Số hiệu ghi ở cột “Thuyết minh” là các chỉ tiêu ghi trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính năm thể hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu này trong BCTHTC.

- Số liệu ghi vào cột “Số đầu năm” của báo cáo này năm nay căn cứ vào số liệu ghi ở cột “Số cuối năm” của từng chỉ tiêu tương ứng trong báo cáo này năm trước.

- Số liệu ghi ở cột “Số cuối năm” của báo cáo này tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, được lấy từ số dư cuối kỳ của các tài khoản tổng hợp và chi tiết phù hợp với từng chỉ tiêu trong BCTHTC.

• Phương pháp lập từng chỉ tiêu cụ thể ở cột “Số cuối năm” của Bảng cân đối kế toán như sau:

PHẦN TÀI SẢN

- Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền và các khoản tương đương tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp.

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” là tổng số dư Nợ của các Tài khoản 111 “Tiền mặt”, 112 “Tiền gửi ngân hàng”.

- Đầu tư tài chính (Mã số 120).

Là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh tổng giá trị của các khoản đầu tư tài chính (sau khi đã trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư tài chính) của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, bao gồm: Chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Các khoản đầu tư tài chính được phản ánh trong chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư đã được trình bày trong chỉ tiêu “ tiền và các khoản tương đương tiền” (Mã số 110) và các khoản thu về cho vay đã được trình bày trong chỉ tiêu “ phải thu khác” (Mã số 134)

Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 122 + Mã số 123 + Mã số 124

+ Chứng khoán kinh doanh (Mã số 121)

Chỉ tiêu này phản ánh giá trị các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chỉ tiêu này có thể bao gồm các công cụ tài chính không được chứng khoán hoá

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK112

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Mã số 122)

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, như tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, thương phiếu và các loại chứng khoán

nợ khác. Chỉ tiêu này không bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trình bày trong chỉ tiêu “ Tiền và các khoản tương đương tiền ”(Mã số 110) và các khoản phải thu về cho vay đã được trình bày trong “ Phải thu khác”(Mã số 134)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1281,1288

+ *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 123)*

Chỉ tiêu này phản ánh các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư khác.

+ *Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (Mã số 124)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm báo cáo

- Các khoản phải thu (Mã số 130)

Mã số 130 = Mã số 131 + Mã số 132 + Mã số 133 + Mã số 134 + Mã số 135 + Mã số 136

+ *Phải thu của khách hàng (Mã số 131):* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 “Phải thu của khách hàng” mở theo từng khách hàng trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131, chi tiết các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn.

+ *Trả trước cho người bán (Mã số 132):* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 331 “Phải trả cho người bán” mở theo từng đối tượng trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331.

+ *Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 133)*

Chỉ tiêu này chỉ ghi trên báo cáo tình hình tài chính của đơn vị cấp trên phản ánh số vốn kinh doanh đã giao cho các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

+ *Phải thu khác (Mã số 134)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ chi tiết của các TK 1288 (phải thu về cho vay), 1368, 1386, 1388, 334, 338, 141

+ *Tài sản thiếu chờ xử lý (Mã số 135)*

Chỉ tiêu này phản ánh các tài sản thiếu hụt, mất mát chưa rõ nguyên nhân đang chờ xử lý tại thời điểm báo cáo

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 381

+ *Dự phòng phải thu khó đòi (Mã số 136)*

Chỉ tiêu này phản ánh khoản dự phòng cho các khoản thu khó đòi tại điểm báo cáo

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư CÓ của TK 2293 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)

- Hàng tồn kho (Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 149)

1. *Hàng tồn kho (Mã số 141)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK152 “Nguyên liệu, vật liệu”, TK153 “Công cụ, dụng cụ”, TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”, TK155 “Thành phẩm”, TK156 “Hàng hóa”, TK157 “Hàng gửi đi bán” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái.

2. *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2294 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái. Chỉ tiêu này được ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- Tài sản ngắn cố định (Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152)

+ *Nguyên giá (Mã số 151)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK211 “

+ *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có TK 2141,2142,2143 và được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)

- Bất động sản đầu tư (Mã số160).

Mã số160 = Mã số161 + Mã số162

1. *Nguyên giá (Mã số161)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 217 “Bất động sản đầu tư” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái.

2. *Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số162)*:Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 2147 “Hao mòn bất động sản đầu tư” trên Sổ kế toán chi tiết TK 2147. Số liệu chỉ tiêu này ghi âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

- Xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 170)

Chỉ tiêu phản ánh toàn bộ giá trị tài sản cố định đang mua sắm,chi phí đầu tư xây dựng cơ bản,chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang hoặc đã hoàn thành chưa bàn giao hoặc chưa đưa vào sử dụng tại thời điểm báo cáo.Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 241

- Tài sản khác (Mã số180)

Mã số180 = Mã số181 + Mã số182

+ *Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Mã số 181)*

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ của TK 133

+ *Tài sản khác (Mã số 248)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 242 “Chi phí trả trước dài hạn”, TK 244 “Ký quỹ, ký cược dài hạn” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái.

- TỔNG CỘNG TÀI SẢN (Mã số 200)

Mã số 200 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 + Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180

PHẦN NGUỒN VỐN

A – NỢ PHẢI TRẢ (Mã số 300)

Mã số 300 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

+ *Phải trả cho người bán (Mã số 311)*: Số liệu ghi ở chỉ tiêu này là số dư Có trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 331 “Phải trả cho người bán” được phân loại là ngắn hạn.

+ *Người mua trả tiền trước (Mã số 312)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 131 “Phải thu của khách hàng” được mở cho từng khách hàng.

+ *Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Mã số 313)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 333.

+ *Phải trả người lao động (Mã số 314)*: Số liệu ghi và chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 334 “Phải trả người lao động” trên sổ kế toán chi tiết TK 334.

+ *Phải trả khác (Mã số 315)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 335 “Chi phí phải trả” ,3368,338,1388.

+ *Vay và nợ thuê tài chính (Mã số 316)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số dư Có của TK 341 “Vay và nợ thuê tài chính”.

+ *Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh (Mã số 317)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 336 “Phải trả nội bộ”. Khi đơn vị cấp trên lập Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp toàn doanh nghiệp, chỉ tiêu này được bù trừ với chỉ tiêu “Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc” (Mã số 133) trên BCTHTC đơn vị cấp trên.

+ *Dự phòng phải trả (Mã số 318)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 351 “Dự phòng phải trả”.

+ *Quỹ khen thưởng phúc lợi (Mã số 319)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 353 “Quỹ khen thưởng phúc lợi”

+ *Quỹ khen thưởng khoa học và công nghệ (Mã số 320)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của TK 356 “Quỹ khen thưởng khoa học và công nghệ” trên sổ kế toán TK 356.

B – VỐN CHỦ SỞ HỮU (Mã số 400)

+ Vốn chủ sở hữu (Mã số 400)

Mã số 400 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 + Mã số 416 + Mã số 417

1. *Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 4111 “Vốn đầu tư của chủ sở hữu” trên sổ chi tiết TK 4111.

2. *Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4112 “Thặng dư vốn cổ phần” trên sổ kế toán chi tiết TK 4112. Nếu TK này có số dư Nợ thì được ghi âm.

3. *Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4118 “Vốn khác” trên sổ kế toán chi tiết TK 4118.

4. *Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 419 “Cổ phiếu quỹ” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái và được ghi âm.

5. *Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 415)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 413 “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái. Trong trường hợp có số dư bên Nợ thì được ghi âm.

6. *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 416)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Có của TK 418 “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái.

7. *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 417)*: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” trên Sổ cái hoặc Nhật ký sổ cái. Trong trường hợp TK 421 có số dư bên Nợ thì được ghi âm.

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (Mã số 500)

Mã số 500 = Mã số 300 + Mã số 400

1.3 Phân tích Báo cáo tình hình tài chính .

1.3.1 Sự cần thiết của việc phân tích BCTHTC.

Phân tích BCTHTC là dùng các kỹ thuật phân tích để biết được các mối quan hệ của các chỉ tiêu, dùng số liệu để đánh giá tình hình tài chính, khả năng

và tiềm lực tài chính của doanh nghiệp, giúp người sử dụng thông tin đưa ra các quyết định phù hợp.

Phân tích BCTHTC cung cấp thông tin về Tài sản, Nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn và tài sản hiện có giúp cho nhà quản lý tìm ra điểm mạnh và điểm yếu trong công tác tài chính để có những biện pháp thích hợp cho quá trình phát triển doanh nghiệp trong tương lai.

1.3.2 Các phương pháp phân tích BCTHTC.

Để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp, người ta có thể sử dụng một hay tổng hợp các phương pháp khác nhau trong hệ thống các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp. Những phương pháp thường được sử dụng trong việc phân tích BCTHTC là:

1.3.2.1 Phương pháp so sánh: Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích kinh tế. Dùng để xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu kinh tế. Trong phương pháp này thường dùng kỹ thuật so sánh sau:

- *So sánh tuyệt đối:* Là kết quả của phép trừ giữa số liệu ở cột đầu năm với cột cuối năm của các chỉ tiêu trên BCDKT. Kết quả so sánh phản ánh sự quy mô hoặc khối lượng các chỉ tiêu phân tích.

- *So sánh tương đối:* Là tỷ lệ % của mức biến động giữa kỳ phân tích so với kỳ gốc.

- *So sánh kết cấu:* Là tỷ trọng của một chỉ tiêu kinh tế trong tổng thể các chỉ tiêu cần so sánh.

1.3.2.2 Phương pháp tỷ lệ.

Phương pháp này dựa trên ý nghĩa chuẩn mực của các đại lượng tài chính trong quan hệ tài chính. Sự biến đổi các tỷ lệ là sự biến đổi các đại lượng tài chính. Về nguyên tắc, phương pháp tỷ lệ yêu cầu cần xác định được các ngưỡng. Các định mức để nhận xét, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp. Trên cơ sở so sánh các tỷ lệ của doanh nghiệp với giá trị các tỷ lệ tham chiếu.

1.3.2.3 Phương pháp cân đối.

- Phương pháp cân đối là phương pháp mô tả và phân tích các hiện tượng kinh tế mà giữa chúng tồn tại sự cân bằng.

- Phương pháp này được sử dụng để tính mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố khi chúng có quan hệ tổng với chỉ tiêu phân tích, cho nên mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố là độc lập.

- Qua việc so sánh này, các nhà quản lý sẽ liên hệ với tình hình và nhiệm vụ kinh doanh cụ thể để đánh giá mức độ hợp lý của sự biến động theo từng chỉ tiêu cũng như biến động về tổng giá trị tài sản và nguồn vốn.

1.3.3 Nội dung phân tích Báo cáo tình hình tài chính.

1.3.3.1 Đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu chủ yếu trên BCTHTC.

Đánh giá khái quát tình hình tài chính là việc xem xét, nhận định sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này sẽ giúp cho nhà quản lý biết được thực trạng tài chính cũng như đánh giá được sức mạnh tài chính của doanh nghiệp. Để đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp cần tiến hành:

- *Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản:* Thực hiện việc so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản cuối kỳ so với đầu năm. Đồng thời còn phải xem xét tỷ trọng từng loại tài sản trong tổng tài sản và xu hướng biến động của chúng để thấy mức độ hợp lý của việc phân bổ. Để thuận tiện cho việc phân tích, ta lập bảng như sau:

Biểu 1.2: BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN*Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch (\pm)		Tỷ trọng	
			Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm (%)	Số cuối năm (%)
A – Tài sản ngắn hạn						
I. Tiền và các khoản TD tiền						
II. Các khoản ĐTTC ngắn hạn						
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
IV. Hàng tồn kho						
V. Tài sản ngắn hạn khác						
B – Tài sản dài hạn						
I. Tài sản cố định						
II. Bất động sản đầu tư						
III. Tài sản ĐTTC dài hạn						
IV. Tài sản dài hạn khác						
Tổng cộng tài sản						

• *Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn:* Là việc phân tích sự biến động trên tổng số nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Bên cạnh đó còn phải xem xét tỷ trọng từng loại nguồn vốn chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ an toàn trong việc huy động vốn. Để thuận tiện cho việc phân tích ta lập bảng sau:

Biểu 1.3: BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch (±)		Tỷ trọng	
			Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm	Số cuối năm
A – Nợ phải trả						
I. Nợ ngắn hạn						
II. Nợ dài hạn						
B – Vốn chủ sở hữu						
I. Vốn chủ sở hữu						
Tổng cộng nguồn vốn						

1.3.3.2 *Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua khả năng thanh toán.*

- *Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:* Chỉ tiêu này cho biết với tổng số tài sản hiện có của doanh nghiệp có đảm bảo trang bị được cho các khoản nợ hay không? Trị số của chỉ tiêu càng lớn thì khả năng thanh toán càng cao, thể hiện tình hình tài chính lành mạnh.

Tổng tài sản

Hệ số khả năng thanh toán tổng quát = _____

Tổng nợ phải trả

- *Hệ số thanh toán nhanh:* Hệ số này cho biết, với số tiền và khoản tương đương tiền hiện có, doanh nghiệp có thể thanh toán được bao nhiêu phần nợ ngắn hạn. Chỉ tiêu này càng lớn thì khả năng thanh toán các khoản nợ càng cao.

Tiền + các khoản tương đương tiền

Hệ số thanh toán nhanh = _____

Tổng nợ ngắn hạn

- *Hệ số nợ*: Hệ số này cho biết cứ sử dụng một đồng vốn kinh doanh thì có bao nhiêu đồng vay nợ. Hệ số này càng lớn và có xu hướng càng tăng thì chứng tỏ tổng nguồn vốn của doanh nghiệp là vốn vay, do đó rủi ro tài chính tăng và ngược lại.

Tổng số nợ phải trả

Hệ số nợ =

Tổng nguồn vốn của doanh nghiệp

Hoặc = 1 – Hệ số vốn chủ sở hữu

CHƯƠNG 2: THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH TM HÀ VƯƠNG

2.1 Tổng quát về Công ty TNHH TM Hà Vương.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH TM Hà Vương.

2.1.1.1 Quá trình hình thành

- Tên đầy đủ **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN**
của công ty: **THƯƠNG MẠI HÀ VƯƠNG**
- Tên giao dịch HA VUONG TRADING COMPANY LIMITED
nước ngoài:
- Tên viết tắt: HAVUCO.,LTD
- Địa chỉ : Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng
- Điện thoại: 84-31-3970558 / Fax: 84-31-3970559
- E-mail: nguyendinhsonhavuco@yahoo.com
- Số đăng ký kinh doanh: 0200429075
- Mã số thuế : 0200429075
- Công ty thành lập ngày 04 tháng 07 năm 2001 với số vốn điều lệ ban đầu là 500.000.000 đồng với 03 thành viên góp vốn.
- Đến ngày 20 tháng 12 năm 2010 số vốn điều lệ tăng lên 85.584.185.076
 - Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh mua, bán kim khí, thứ liệu, phế liệu, vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dung, mua bán phá dỡ tàu cũ, xuất nhập khẩu trực tiếp, dịch vụ xuất nhập khẩu.

2.1.2 Thuận lợi, khó khăn và những thành tích đạt được của Công ty TNHH TM Hà Vương trong những năm gần đây.

2.1.2.1 Những thuận lợi của Công ty.

- Doanh nghiệp có nhiều thuận lợi như về vị trí địa lý. Ngành nghề chủ yếu của công ty là mua bán sắt thép phế liệu trong và ngoài nước, địa điểm của công ty là trong khu công nghiệp chế biến, mua bán sắt thép, hơn nữa Hải Phòng cũng là thành phố cảng lớn trong nước cho nên rất

thuận tiện cho việc nhận hàng, nhập hàng, lưu kho bãi... khi nhập khẩu hàng về hoặc bán hàng đi cho các doanh nghiệp khác.

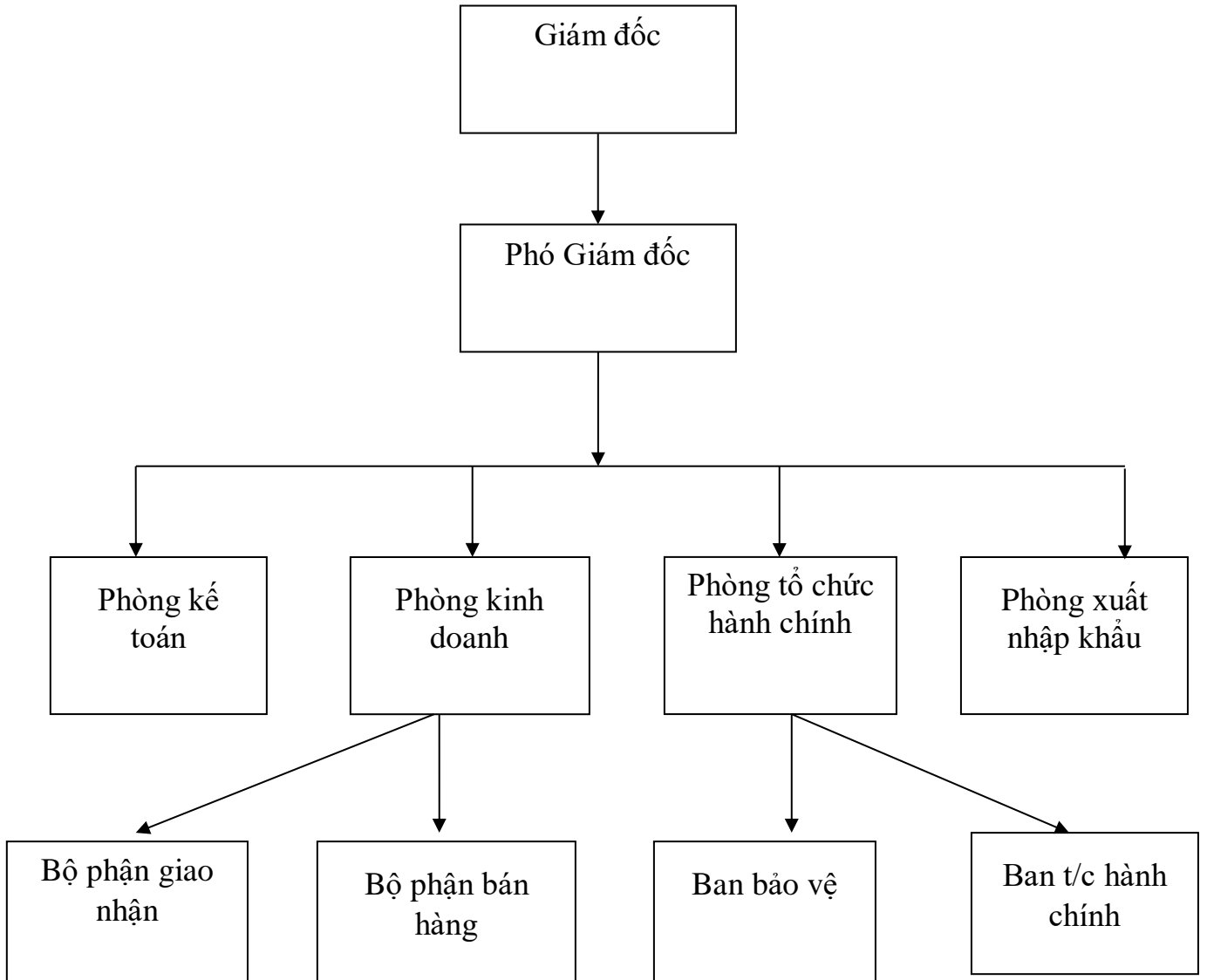
- Với quy mô của công ty như hiện nay thì có thể nói doanh nghiệp còn có thuận lợi là nguồn tài chính khá lớn, qua đó có thể dễ dàng hơn trong việc đầu tư mở rộng quy mô trong tương lai, cũng như ít khó khăn hơn trong việc đối phó với những biến động bất thường có thể xảy ra
- Doanh nghiệp có nguồn lực về lao động tuy chỉ với 20 người nhưng làm việc thực sự có hiệu quả bởi trình độ và tác phong, cũng như thái độ nghiêm túc trong công việc đã giúp cho công việc luôn hiệu quả...

2.1.2.2 Khó khăn mà Công ty gặp phải.

- Vì mặt hàng sắt thép cũng là một trong số những mặt hàng nhạy cảm của thị trường. Mỗi biến động của nó xảy ra trên thị trường dù là không lớn lắm nhưng lại có ảnh hưởng nhiều đến mọi mặt, mọi khâu trong quá trình kinh doanh. Ví dụ điển hình nhất là sự biến động về tỷ giá. Đây là một vấn đề khá rắc rối và mất nhiều khó khăn cho việc hạch toán trong công ty.
- Xu hướng của thị trường thay đổi bất lợi mà không thể lường trước. Ví dụ như thời điểm cuối năm vừa qua giá sắt thép đột ngột giảm sút mạnh làm cho khá nhiều công ty đã phải phá sản.
- Hoạt động của các ngân hàng cũng có ảnh hưởng nhiều đến sự sống còn của công ty. Nếu các ngân hàng có các chính sách phóng khoáng trong việc cho vay vốn thì công ty sẽ có nhiều thuận lợi và ngược lại. Đã có thời điểm hàng loạt các ngân hàng tạm ngừng việc cho vay. Trong khi đó vay vốn ngân hàng để thanh toán tiền hàng theo hình thức mở LC là hình thức chủ yếu của công ty. Do vậy mà các ngân hàng cũng là một khó khăn cho công ty...

2.1.3 Đặc điểm cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH TM Hà Vương

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới (Sơ đồ 2.1)

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH TM Hà Vương.**- Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:**

Giám đốc có quyền quyết định cao nhất trong công ty và phó giám đốc có nhiệm vụ hỗ trợ trong việc ra quyết định và tiến hành các công việc sau:

- Quyết định phương hướng phát triển của công ty;
- Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;
- Quyết định phương thức đầu tư và dự án đầu tư có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty;
- Thông qua các hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty;

- Quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý quan trọng khác quy định tại điều lệ của công ty;

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ lãi của Công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức của công ty;

- Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty;

- Quyết định tổ chức lại công ty;

- Quyết định giải thể công ty;

- **Phòng Kinh Doanh:**

- Căn cứ vào mục tiêu đề ra hàng năm của công ty để tiến hành lập kế hoạch kinh doanh, cân đối khả năng nhập khẩu và khả năng tiêu thụ để có những đề xuất điều chỉnh thích hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo cho việc kinh doanh đạt kết quả cao nhất.

- Đáp ứng đầy đủ kịp thời nguyên vật tư, phụ tùng phục vụ cho công tác kinh doanh và tiêu thụ trong công ty với chất lượng tốt, giá cả hợp lý.

- Phối hợp với phòng Xuất Nhập Khẩu để đưa ra kế hoạch kinh doanh, tiêu thụ hàng hoá, đồng thời luôn duy trì các mối quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước. Đồng thời phải luôn khai thác để mở rộng các thị trường mới.

- Nhiệm vụ trong phòng kinh doanh cũng được phân chia rõ rệt thành 2 bộ phận;

- + Bộ phận bán hàng: Thu xếp các hợp đồng mua bán thương mại với các khách hàng nội địa.

- + Bộ phận giao nhận: Đảm trách toàn bộ các công việc liên quan đến giao, nhận, vận chuyển hàng hoá nhập khẩu và xuất cho các khách hàng trong nước.

- **Phòng kế toán :**

- Chức năng:

- + Phòng kế toán tài vụ: là một cơ cấu của bộ máy quản lý của công ty, có chức năng chủ yếu tham mưu giúp lãnh đạo công ty thực hiện toàn bộ công tác tài chính, kế toán, thống kê, hạch toán trong công ty theo đúng chế độ hiện hành.

+ Kiểm tra tính pháp lý của các hợp đồng kinh tế, phối hợp với phòng kinh doanh và các đơn vị phụ thuộc, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế tuân thủ theo quy chế tài chính của tổng công ty và các chế độ tài chính nhà nước ban hành.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:

+ Xây dựng kế hoạch dài hạn, hàng năm, ngắn hạn và thực hiện kế hoạch tài chính gắn với kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Lập phương án, kế hoạch, huy động vốn, quản lý, theo dõi việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

+ Lập kế hoạch tiền mặt giao dịch với ngân hàng để phục vụ kịp thời yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện quản lý sử dụng các quỹ của công ty.

+ Lập báo cáo thu chi tài chính và thực hiện chế độ tài chính của công ty và nhà nước ban hành một cách đầy đủ, trung thực chính xác và đúng luật

+ Thực hiện và chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty và pháp luật về việc kiểm tra thủ tục, nguyên tắc lưu trữ chứng từ thu chi tiền mặt, chuyển khoản thu chi tài chính, hạch toán và phân tích hoạt động kinh tế theo các quy định hiện hành giúp cho việc sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Phòng Xuất Nhập Khẩu:

- Giám sát các hoạt động xuất nhập khẩu của công ty.

- Ký kết và thực hiện các hợp đồng ngoại thương.

- Tham mưu cho lãnh đạo trong việc tìm kiếm thị trường xuất nhập khẩu mới và đưa ra các hợp đồng mới.

- Phối hợp cùng với phòng kinh doanh để có được các kế hoạch về tài chính phục vụ cho việc xuất khẩu và nhập khẩu hàng hoá của công ty.

- Phòng tổ chức hành chính:

a. Tham mưu cho lãnh đạo điều hành và bố trí lao động một cách hợp lý và tiết kiệm nhất, phù hợp với nhiệm vụ quản lý và kinh doanh của từng đơn vị trong công ty.

b. Thường xuyên kiểm tra các định mức lao động và đơn giá tiền lương cho phù hợp với năng lực và công việc của từng lao động.

c. Tiến hành ký thoả ước lao động và hợp đồng lao động.

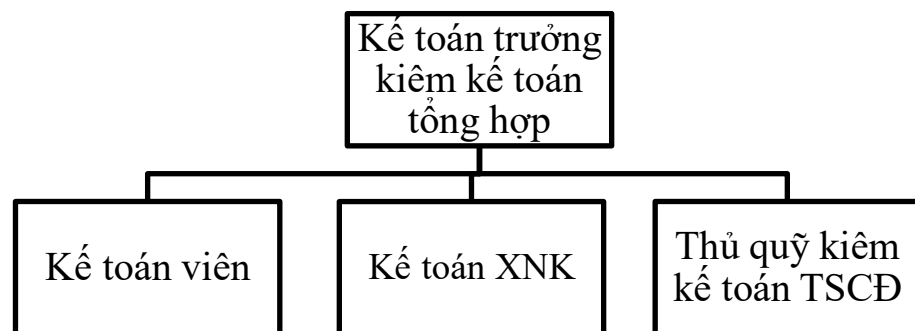
d. Đảm bảo các chế độ, chính sách, quyền lợi của người lao động trong công ty theo đúng chế độ nhà nước quy định. Tổ chức các bữa ăn ca cho người lao động sao cho có chất lượng, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm.

e. Tổ chức bộ phận hành chính và nhà ăn hợp lý đối với hoạt động của công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH TM Hà Vương.

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



Chức năng và nhiệm vụ như sau:

+) Kế toán trưởng: Có nhiệm vụ lập kế hoạch thu chi, kiểm tra các định khoản hạch toán, lập các bảng cân đối kế toán, bảng tổng kết tài sản, lập các báo cáo tài chính, duyệt các chứng từ thu chi. Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về toàn bộ phòng kế toán.

+) Kế toán viên: Tổng hợp toàn bộ chứng từ thu chi, theo dõi các khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, hoàn lại các khoản thuế xuất nhập khẩu và thuế GTGT.

+) Kế toán XNK: Ghi chép, phản ánh, giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch lưu chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu. Góp phần thúc đẩy nhanh tốc độ lưu chuyển hàng hóa. Tăng vòng quay vốn giảm chi phí lưu thông. Tăng

tối đa hiệu quả kinh doanh. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch xuất nhập khẩu, bảo quản hàng hóa, lưu trữ hàng hoá, thu chi ngân sách và tình hình thực hiện thu chi ngân sách,...

+) **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thu, chi tiền mặt. Quản lý, bảo quản tiền mặt. Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định. Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

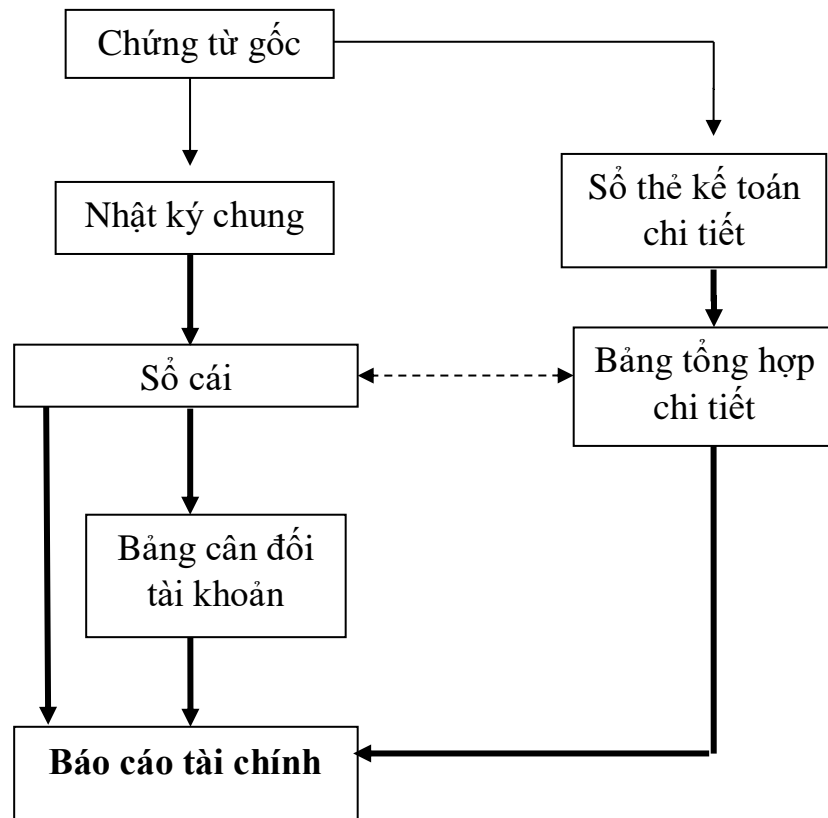
2.1.4.2 : *Hình thức ghi sổ kế toán*

Công ty áp dụng hình thức kế toán **Sổ Nhật ký chung**

Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ chi tiết các tài khoản.
- Sổ quỹ.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

(Sơ đồ 2.3): **Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung của Công ty TNHH TM Hà Vương.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi định kỳ
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra

2.1.4.3 : Chế độ kế toán và các chính sách chế độ kế toán tại công ty

Công ty TNHH TM Hà Vương áp dụng chế độ kế toán ban hành theo thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính

- Phương pháp kế toán hàng tồn kho theo *phương pháp kê khai thường xuyên*.

- Nộp thuế GTGT theo *phương pháp khấu trừ*.
- Tính giá trị hàng xuất kho theo *phương pháp nhập trước - xuất trước*
- Trích khấu hao TSCĐ theo *phương pháp đường thẳng*.

2.2 Thực trạng công tác lập Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương

2.2.1 Căn cứ lập báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương

- Căn cứ vào BCTHTC của năm trước.
- Căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết.
- Căn cứ vào sổ cái các tài khoản.

2.2.2 Quy trình lập bảng CĐKT tại Công ty TNHH TM Hà Vương.

Công ty TNHH Trung Trang thực hiện lập bảng CĐKT theo các bước sau:

Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán.

Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán liên quan.

Bước 3: Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và khóa sổ kế toán chính thức.

Bước 4: Lập bảng cân đối tài khoản.

Bước 5: Lập báo cáo tình hình tài chính theo mẫu B01-DNN.

Bước 6: Thực hiện kiểm tra và ký duyệt.

2.2.3 Nội dung các bước lập BCTHTC tại Công ty TNHH TM Hà Vương.

• **Bước 1: Kiểm tra tính có thật của các chứng từ phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ kế toán.**

Kiểm tra tính có thật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhằm phản ánh tính trung thực của thông tin trên Báo cáo tài chính. Vì vậy, đây là công việc được phòng Kế toán của Công ty tiến hành chặt chẽ.

Kế toán tiến hành kiểm tra như sau:

- Sắp xếp chứng từ kế toán theo trình tự thời gian phát sinh.
- Đối chiếu nội dung kinh tế, số tiền phát sinh từng chứng từ với nội dung kinh tế, số tiền của từng nghiệp vụ được phản ánh trong sổ sách kế toán.
- Nếu phát hiện sai sót, lập tức điều chỉnh và xử lý kịp thời.

Ví dụ 1: Kiểm tra tính có thật của nghiệp vụ: Ngày 20/12/2017, nộp tiền mặt vào tài khoản ngân hàng ACB, số tiền 100.000.000 đồng.

- Giấy báo có (Biểu 2.1)
- Phiếu chi (Biểu 2.2)
- Sổ nhật ký chung (Biểu 2.3)
- Sổ cái TK 111 (Biểu 2.4), Sổ cái TK 112 (Biểu 2.5)

Biểu số 2.1: Phiếu chi

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hà
Vương**Địa chỉ:** Km 87 Quốc lộ 5, Nam
Sơn, An Dương, Hải Phòng**Mẫu số 02 - TT**
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài chính)**PHIẾU CHI**Ngày 20 tháng 12 năm
2017

Quyển số:

Số: 105

Nợ TK 112 :
100.000.000Có TK 111 :
100.000.000

Họ và tên người nhận tiền: Đào Thị Chang

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Nộp tiền vào TK ngân hàng

Số tiền: 100.000.000 (Viết bằng chữ): Một trăm triệu đồng

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 20 tháng 12 năm 2017

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)**Thủ quỹ**
(Ký, họ
tên)**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

+ Tỷ giá ngoại tệ:

+ Số tiền quy đổi:

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH TM Hà Vương)

Biểu 2.2 : Giấy báo có

Ngân hàng ACB

Mã GDV:DIEMDHQTO

Mã KH:17891

Số GD:20

GIẤY BÁO CÓ*Ngày 20 tháng 12 năm 2017.*

Kính gửi: Công ty TNHH TM Hà Vương.

Địa chỉ: Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Hôm nay, chúng tôi thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi có: 7196789

Số tiền bằng số: 100.000.000

Số tiền bằng chữ: [+] Một trăm triệu đồng chẵn

Nội dung: ## Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH TM Hà Vương)

Biểu số 2.3 :Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hà Vương

Địa chỉ: Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			NỢ	CÓ

06/12	PT110	06/12	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ	111	100.000.000	
				112		100.000.000
08/12	PC90	08/12	Thanh toán tiền cước điện thoại tháng 11/2017	642	2.811.818	
				133	281.182	
....	111		3.093.000
20/12	PC105	20/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112	100.000.000	
....	111		100.000.000
			Cộng phát sinh		2.925.524.789.007	2.925.524.789.007

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Biểu số 2.4 Sổ Cái TK 111

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hà Vương

Địa chỉ: Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2017

Tên tài khoản : Tiền mặt

Số hiệu : 111

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/Ư	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>625.658.076</u>	
06/12	PT11 0	06/12	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ	112	100.000.000	
08/12	PC90	08/12	Thanh toán tiền cước tháng 11	642		2.811.818
				133		281.182
20/12	PC10 5	20/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112		100.000.000
...
			Cộng số phát sinh		160.278.384.225	158.555.417.635
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>2.048.624.666</u>	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5 : SổCái TK 112

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hà Vương
 Địa chỉ: Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2017

Tên tài khoản : Tiền gửi Ngân Hàng

Số hiệu : 112

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/U	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>4.234.501.701</u>	
07/09	GBN 07/09	07/09	Công ty rút tiền về nhập quỹ	111		200.000.000
....	
05/12	GBN 05/12	05/12	Thanh toán tiền hàng	331		1.000.0000.000
20/12	GBC 20/12	20/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	111	100.000.000	
...
			<u>Cộng số phát sinh</u>		980.802.962.603	977.061.031.247
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>7.976.433.057</u>	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
 - Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

- **Bước 2:** Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán.

Tính số dư cuối kỳ của Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Sau đó đối chiếu số liệu giữa Sổ cái các tài khoản, Sổ chi tiết và Bảng tổng hợp chi tiết.

Ví dụ 2: Đối chiếu số liệu giữa Sổ cái TK 131 (Biểu 2.6) và Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (Biểu 2.7), giữa Sổ cái TK 331 (Biểu 2.8) và Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán (Biểu 2.9).

Biểu 2.6: Sổ cái TK 131

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hà Vương
Địa chỉ :Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI
Năm 2017

Tên tài khoản: 131 - Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		<u>9.513.889.871</u>	
					
16/12	GBC10/12	16/12	Cty TNHH Thiên Hoàng	112		174.042.400
17/12	GBC11/12	17/12	DN tư nhân Quang Duy TT	112		860.000.000
					
24/12	HĐ0000471	24/12	Cty CP xây dựng Vĩnh Lộc	511	10.880.000	
24/12	HĐ0000471	24/12	Thuế GTGT đầu ra phải nộp	3331	1.088.000	
25/12	HĐ0000472	25/12	Cty CP TNHH TM Phúc Hưng	511	168.000.000	
25/12	HĐ0000472	25/12	Thuế GTGT đầu ra phải nộp	3331	16.800.000	
					
			Cộng phát sinh		<u>257.430.155.772</u>	<u>246.952.039.359</u>
			Số dư cuối năm		<u>19.992.006.284</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH TM Hà Vương)

Biểu 2.7: Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng

Đơn vị : Công ty TNHH TM Hà Vương

Địa chỉ : Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản 131: Phải thu khách hàng

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Mã số	Tên khách hàng	Tồn đầu kỳ		Số PS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
						
131HD	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Diệu	4.303.645.984	-	5.865.772.000	6.854.452.000	3.314.965.984	-
131TĐ	Cty TNHH TM & XD Thịnh Đạt	-	-	-	-	-	-
131VL	Cty CP xây dựng Vĩnh Lộc	766.074.200		-	678.074.200	88.000.000	-
131 NH	Cty TNHH TM Ngọc Hiếu	-	-	-	-	-	-
131TP	Cty thép Thiên Phú	117.060.000		-	-	117.060.000	-
						
	Cộng phát sinh	9.513.889.871	-	257.430.155.772	246.952.039.359	19.992.006.284	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 331

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hà Vương

Địa chỉ: Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An
Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN

Tài khoản 331- Phải trả cho người bán

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Tài khoản Đ/U	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
		Dư đầu kỳ		<u>375.086.553</u>	
				
GBN20/10	20/10	Đặt cọc tiền công ty Kyoiei	112	500.000.000	
				
GBN12/11	12/11	Thanh toán tiền cho Công ty Phúc Hưng	112	60.000.000	
				
		Cộng lũy kế		218.796.846.684	218.421.760.131
		Số dư cuối kỳ			

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH TM Hà Vương)

Biểu 2.9 :Bảng tổng hợp chi tiết phải trả cho người bán

Đơn vị : Công ty TNHH TM Hà Vương

Địa chỉ : Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản 331: Phải trả người bán

Năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Mã số	Tên khách hàng	Tồn đầu kỳ		Số PS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
						
331MQ	Cty TNHH ĐTXD&TMDV Minh Quang	-	-	-	-	-	-
331MB	Cty CP Phúc Hưng	-	-	60.000.000	60.000.000	-	-
						
331V.Th	Công ty Kyoiei	-	-	500.000.000	500.000.000	-	-
331QH	DNTN TM Quang Huy	-	-	-	-	-	-
						
	Cộng phát sinh	375.086.553		54.568.693.838	54.118.110.052	-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

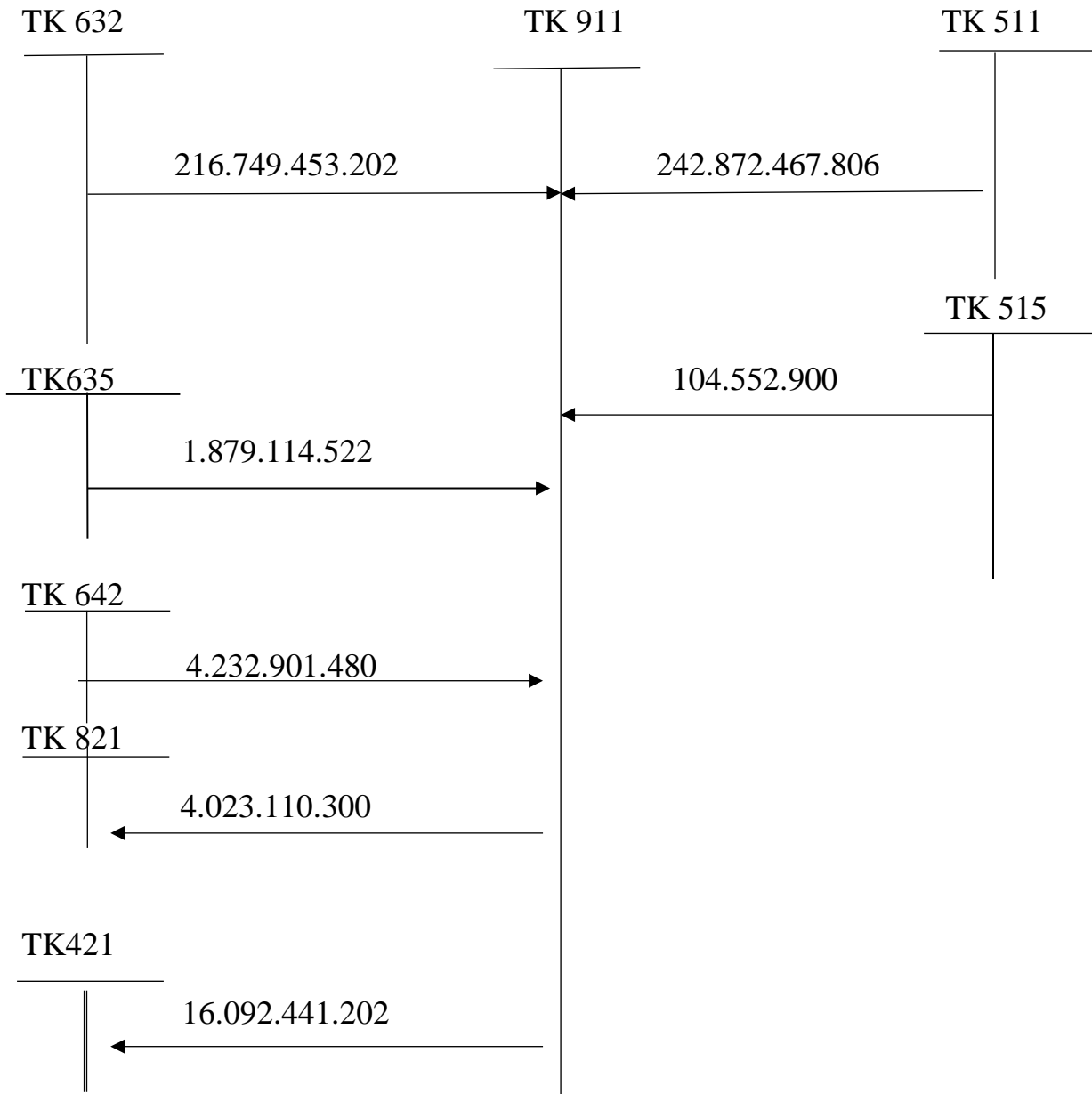
Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH TM Hà Vương)

- **Bước 3:** Thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và tiến hành khóa sổ kế toán chính thức.

Kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ 2.4: Tổng hợp các bút toán kết chuyển tại Công ty TNHH TM Hà Vương năm 2017.



Sau khi thực hiện bút toán kết chuyển, kế toán thực hiện khóa sổ kế toán chính thức.

- **Bước 4: Lập bảng cân đối số phát sinh tại Công ty TNHH Hà Vương**

Bảng cân đối số phát sinh là phương pháp kỹ thuật dùng để kiểm tra một cách tổng quát số liệu kế toán đã ghi trên các tài khoản tổng hợp.

Bảng cân đối số phát sinh được xây dựng trên 2 cơ sở:

- Tổng số dư bên Nợ của tất cả các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số dư bên Có của tất cả các tài khoản tổng hợp.
- Tổng phát sinh bên Nợ của các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng phát sinh bên Có của các tài khoản tổng hợp.
- Cột số thứ tự: Dùng để đánh số theo tuần tự cho các tài khoản đã sử dụng trong kỳ từ tài khoản thứ nhất cho tới hết.
- Cột tên tài khoản: Dùng để ghi số hiệu và tên của các tài khoản từ loại 1 đến loại 9. Mỗi tài khoản ghi trên một dòng, ghi từ tài khoản có số hiệu nhỏ đến tài khoản có số hiệu lớn, không phân biệt tài khoản có còn số dư cuối kỳ hay không hoặc trong kỳ có số phát sinh hay không.
- Cột số dư đầu kỳ: Ghi số dư đầu kỳ của các tài khoản tương ứng. Nếu số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.
- Cột số phát sinh trong kỳ: Ghi tổng số phát sinh trong kỳ của các tài khoản tương ứng, tổng số phát sinh Nợ ghi vào cột Nợ, tổng số phát sinh Có ghi vào cột Có.
- Cột số dư cuối kỳ: Ghi số dư cuối kỳ của các tài khoản tương ứng. Số dư bên Nợ ghi vào cột Nợ, số dư bên Có ghi vào cột Có.
- Cuối cùng, tính ra tổng của tất cả các cột để so sánh giữa bên Nợ và bên Có của từng cột: Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, số dư cuối kỳ có bằng nhau từng cặp một hay không.

Ví dụ 3: Cách lập chỉ tiêu tiền mặt – TK 111 trên bảng cân đối số phát sinh của Công ty vào năm 2017.

- Cột “Số hiệu tài khoản” là: 111
- Cột “Tên tài khoản” là: Tiền mặt
- Cột “Số dư đầu năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư Nợ đầu năm trên Sổ cái TK 111, số tiền là: 625.658.076 đồng.
- Cột “Số phát sinh trong năm”: Số tiền ghi vào cột Nợ căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Nợ trên Sổ cái TK 111, số tiền là: 160.278.384.225 đồng. Số liệu ghi vào cột Có căn cứ vào cột cộng phát sinh bên Có trên Sổ cái TK 111, số tiền là: 158.855.417.635 đồng.
- Cột “Số dư cuối năm”: Số liệu để ghi vào cột này là số dư bên Nợ trên Sổ cái TK 111, số tiền là: 2.048.624.666 đồng.

Các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối số phát sinh được lập tương tự.

Biểu số 2.10: Trích Sổ Cái TK 111

Đơn vị: Công ty TNHH TM Hà Vương

Địa chỉ: Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2017

Tên tài khoản : Tiền mặt

Số hiệu : 111

NT Ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK Đ/Ư	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>		<u>625.658.076</u>	
06/12	PT11 0	06/12	Rút tiền gửi NH về nhập quỹ	112	100.000.000	
08/12	PC95	08/12	Thanh toán tiền cước tháng 11	642		2.811.818
				133		281.182
10/12	PC10 5	10/12	Nộp tiền vào tài khoản ngân hàng	112		100.000.000
			Cộng số phát sinh		160.278.384.225	158.555.417.635
			<u>Số dư cuối kỳ</u>		<u>2.048.624.666</u>	

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

Bảng 2.11 : Bảng cân đối kế toán năm 2017

Công Ty TNHH TM Hà Vương
Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn, An Dương, Hải Phòng

Mẫu số: F01-DNN

(Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN

Năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	625.658.076		160.278.384.225	158.855.417.635	2.048.624.666	
112	Tiền gửi Ngân hàng	4.234.501.701		980.802.962.603	977.061.031.247	7.976.433.057	
121	Chứng khoán kinh doanh						
131	Phải thu của khách hàng	9.513.889.871		257.430.155.772	246.952.039.359	19.992.006.284	
133	Thuế GTGT được khấu trừ			22.133.734.531	21.134.616.692	976.117.839	
136	Phải thu nội bộ						
138	Phải thu khác	76.661.997		135.825.711.816	133.168.000.919	3.484.546.000	
141	Tạm ứng						
151	Hàng mua đi đường						
152	Nguyên liệu, vật liệu	1.363.636.364			1.363.636.364		
153	Công cụ, dụng cụ						
154	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.136.363.636		2.011.581.190	1.463.636.364	11.684.308.462	
155	Thành phẩm			1.463.636.364		1.463.636.364	
156	Hàng hóa	95.577.598.543		222.089.992.874	213.922.180.474	103.745.410.916	
157	Hàng gửi đi bán						

211	Tài sản cố định	10.532.656.481				10.532.656.481	
214	Hao mòn tài sản cố định		5.873.848.829		1.013.265.637		6.877.114.466
228	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
241	Xây dựng cơ bản dở dang	982.775.395				982.775.395	
242	Chi phí trả trước						
331	Phải trả cho người bán	375.086.553		218.796.846.684	218.421.760.131		
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước			42.633.473.330	42.633.473.330		
334	Phải trả người lao động			2.547.377.417	2.547.377.417		
338	Phải trả, phải nộp khác			351.919.800	351.919.800		
341	Vay và nợ thuê tài chính		26.701.001.940	146.065.549.362	173.679.260.220		54.314.712.798
353	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.061.922				8.061.922
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		85.584.185.076				85.584.185.076
418	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu						
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		16.251.730.850	16.251.730.850	16.092.441.202		16.092.441.202
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			242.872.467.806	242.872.462.806		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			104.552.900	104.552.900		
632	Giá vốn hàng bán			216.749.453.202	216.749.453.202		
635	Chi phí tài chính			1.879.114.522	1.879.114.522		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			4.232.901.480	4.232.901.480		
711	Thu nhập khác						
811	Chi phí khác						
821	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			4.023.110.300	4.023.110.300		
911	Xác định kết quả kinh doanh			247.000.132.006	247.000.132.006		
	Tổng cộng	134.418.828.617	134.418.828.617	2.925.524.789.007	2.925.524.789.007	162.886.515.464	162.886.515.464

Lập, Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- **Bước 5: Lập Báo cáo tình hình tài chính**

Các chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính năm 2017 được lập như sau:

- Cột “Chỉ tiêu” để phản ánh các chỉ tiêu trên BCTHTC.
- Cột “Mã số” để tổng hợp số liệu các chỉ tiêu trên BCTHTC
- Cột “Thuyết minh” là số liệu các chỉ tiêu trong bản thuyết minh BCTC năm thể hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu này trong BCTHTC.
- Cột “Số đầu năm” căn cứ vào số liệu của cột “Số cuối năm” trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty TNHH TM Hà Vương năm 2017.
- Cột “Số cuối năm” kế toán căn cứ vào Sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết tài khoản năm 2017 của Công ty để lập các chỉ tiêu trong Báo cáo tình hình tài chính.

Việc lập các chỉ tiêu cụ thể của Báo cáo tình hình tài chính được Công ty TNHH TM Hà Vương tiến hành như sau:

PHẦN TÀI SẢN

I. Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Tiền và các khoản tương đương tiền” là tổng số dư Nợ trên sổ Cái các TK 111 “Tiền mặt” số tiền là: **2.048.624.666** đồng; TK 112 “Tiền gửi ngân hàng” số tiền là: **7.976.433.075** đồng; số dư Nợ TK 1281 “Tiền gửi có kì hạn” số tiền là **0** đồng; số dư Nợ TK1288 “Các khoản đầu tư khác năm giữ đến ngày đáo hạn” số tiền là: **0** đồng.

$$\text{Mã 110} = 2.048.624.666 + 7.976.433.075 + 0 + 0 = 10.025.057.723 \text{ đồng.}$$

II. Đầu tư tài chính (Mã số 120)

$$\text{Mã số 120} = \text{Mã số 121} + \text{Mã số 122} + \text{Mã số 123} + \text{Mã số 124}$$

1. Chứng khoán kinh doanh (Mã số 121)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Mã số 122)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Mã số 123)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

3 Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (Mã số 124)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

$$\text{Mã số 120} = \text{Mã số 121} + \text{Mã số 122} + \text{Mã số 123} + \text{Mã số 124} = 0 \text{ đồng}$$

III. Các khoản phải thu ngắn hạn (Mã số 130)

$$\text{Mã số 130} = \text{Mã số 131} + \text{Mã số 132} + \text{Mã số 133} + \text{Mã số 134} + \text{Mã số 135} + \text{Mã số 136}$$

1. Phải thu khách hàng (Mã số 131)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Phải thu khách hàng” căn cứ vào tổng số dư Nợ chi tiết của TK 131 "Phải thu của khách hàng" mở theo từng khách hàng trên sổ kế toán chi tiết TK 131, lấy từ Bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng số tiền là: 19.992.006.284 đồng.

2. Trả trước cho người bán (Mã số 132)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Trả trước cho người bán” căn cứ vào tổng số dư Nợ TK 331 "Phải trả cho người bán" mở theo từng người bán trên sổ chi tiết TK 331, lấy từ Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán số tiền là: 0 đồng.

3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (Mã số 133)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

4. Phải thu khác (Mã số 134)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu các khoản phải thu khác là số dư Nợ của các TK 1288 (phải thu về cho vay) số tiền là: 0 đồng; TK1368 “ Phải thu nội bộ khác” số tiền là: 0 đồng, Nợ TK 1388 “ Phải thu khác” số tiền là: 0 đồng, Nợ TK 334 “ Phải trả người lao động” số tiền là: 0 đồng, Nợ TK 338 “ Phải trả, phải nộp khác” số tiền là: 0 đồng, Nợ TK 141 “ Tạm ứng” số tiền là 0 đồng.

$$\text{Mã số 134} = 0 \text{ đồng}$$

5. Tài sản thiếu chờ xử lý (Mã số 135)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

6. Dự phòng phải thu khó đòi (Mã số 136)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

$$\begin{aligned} \text{Mã số 130} &= \text{Mã số 131} + \text{Mã số 132} + \text{Mã số 133} + \text{Mã số 134} + \text{Mã số 135} + \\ \text{Mã số 136} &= 19.992.006.284 + 0 + 0 + 0 + 0 + 0 = 19.992.006.284 \text{ đồng.} \end{aligned}$$

IV. Hàng tồn kho (Mã số 140)

$$\text{Mã số 140} = \text{Mã số 141} + \text{Mã số 142}$$

1. Hàng tồn kho (Mã số 141)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 152 "Nguyên liệu, vật liệu" số tiền là 0 đồng, TK 153 "Công cụ, dụng cụ" số tiền là 0 đồng, TK 154 "Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang" số tiền là 11.684.308.462 đồng, TK 155 "Thành phẩm" số tiền là 1.463.636.364 đồng, TK 156 "Hàng hóa" số tiền là 103.745.410.916 đồng, 157 "Hàng gửi đi bán" số tiền là 0 đồng.

$$\text{Mã số 141} = 0 + 0 + 11.684.308.462 + 1.463.636.364 + 103.745.410.916 + 0 = 116.893.355.742 \text{ đồng.}$$

2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 142)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

$$\text{Mã số 140} = \text{Mã số 141} + \text{Mã số 142} = 0 + 0 = 0 \text{ đồng}$$

V. Tài sản cố định (Mã số 150)

$$\text{Mã số 150} = \text{Mã số 151} + \text{Mã số 152}$$

1. Nguyên giá (Mã số 151)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của các TK 2111 “ TSCĐ hữu hình” số tiền là **10.532.656.481** đồng, TK 2112 “ TSCĐ thuê tài chính” số tiền là **0** đồng, TK 2113 “TSCĐ vô hình” số tiền là **0** đồng

2. Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 152)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của các TK 2141 “ Hao mòn TSCĐ hữu hình” số tiền là **6.887.114.466**, TK 2142 “ Hao mòn TSCĐ thuê tài chính” số tiền là **0** đồng, TK 2143 “Hao mòn TSCĐ vô hình” số tiền là **0** đồng.

$$\text{Mã số 150} = \text{Mã số 151} + \text{Mã số 152} = 10.532.656.481 + (6.887.114.466) = 3.465.542.015 \text{ đồng}$$

VI. Bất động sản đầu tư (Mã số 160)

$$\text{Mã số 160} = \text{Mã số 161} + \text{Mã số 162}$$

1. Nguyên giá (Mã số 161)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

2. Giá trị hao mòn lũy kế (Mã số 162)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

$$\text{Mã số 160} = \text{Mã số 161} + \text{Mã số 162} = 0 + 0 = 0 \text{ đồng.}$$

VII. Xây dựng cơ bản dở dang (Mã số 170)

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ của TK 2412 “ Xây dựng cơ bản” số tiền là **982.775.395** đồng

$$\text{Mã số 170} = 982.775.395 \text{ đồng.}$$

VIII. Tài sản khác (Mã số 180)

$$\text{Mã số 180} = \text{Mã số 181} + \text{Mã số 182}$$

1. Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 181)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Nợ TK 133 "Thuế GTGT được khấu trừ" trên Sổ cái số tiền là: **976.117.839** đồng.

2. Tài sản khác (Mã số 182)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này căn cứ vào số dư Nợ TK138 “ Phải thu khác” số tiền là **3.484.546.000**, TK 242 "Chi phí trả trước" là **0** đồng, TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” là **0** đồng.

Mã số 182 = 3.484.546.000 + 0 = 3.484.546.000 đồng

Mã số 180 = Mã số 181 + Mã số 182 = 976.117.839 + 3.484.546.000 = 4.460.663.839 đồng.

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (Mã số 100)

Mã số 100 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 + Mã số 150 + Mã số 160 + Mã số 170 + Mã số 180 = 10.025.057.723 + 0 + 19.992.006.284 + 116.893.355.742 + 3.645.542.015 + 0 + 4.460.663.389 + 4.460.663.839 = 155.999.400.998 đồng.

PHÂN NGUỒN VỐN

I- Nợ phải trả (Mã số 300)

Mã số 300 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320

1. Phải trả người bán (Mã số 311)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu phải trả người bán là tổng các số dư Có chi tiết của TK 331 "Phải trả người bán" mở theo từng người bán trên sổ kế toán chi tiết TK 331 số tiền là **0** đồng.

2. Người mua trả tiền trước (Mã số 312)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước căn cứ vào số dư Có chi tiết của TK 131 "Phải thu của khách hàng" mở cho từng khách hàng trên sổ chi tiết TK 131 số tiền là **0** đồng.

3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Mã số 313)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước” là số dư Có chi tiết của Tài khoản 333 "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước" trên sổ kế toán chi tiết TK 333 số tiền **0** đồng.

4. Phải trả người lao động (Mã số 314)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có chi tiết của tài khoản 334 "Phải trả người lao động" trên sổ cái TK 334 số tiền là **0** đồng.

5. Phải trả khác (Mã số 315)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng số dư Có của TK 335 “ Chi phí phải trả” số tiền là **0** đồng, TK 3368 “ Phải trả nội bộ khác” số tiền là **0** đồng, TK

338 "Phải trả, phải nộp khác" số tiền là 0 đồng, số dư Nợ TK1361 "Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc" số tiền là:0 đồng

Mã số 315 = 0 + 0 + 0+ 0= 0 đồng.

6. Vay và nợ thuê tài chính (Mã số 316)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu "Vay và nợ thuê tài chính" là số dư Có chi tiết của Tài khoản 341 "Vay và nợ thuê tài chính" số tiền **54.314.712.798** đồng.

7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh(Mã số 317)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

8. Dự phòng phải trả (Mã số 318)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Mã số 319)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu quỹ khen thưởng, phúc lợi là số dư Có tài khoản 353 "Quỹ khen thưởng, phúc lợi" trên sổ cái số tiền là **8.061.922** đồng.

10. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (Mã số 320)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

$Mã số 300 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 317 + Mã số 318 + Mã số 319 + Mã số 320$
 $= 0 + 0 + 0 + 0+ 0+54.314.712.798+ 0+ 0 + 8.061.922+ 0 = 54.322.774.720$
đồng.

II. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Mã số 400)

$Mã số 400 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 + Mã số 416 + Mã số 417$

1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Mã số 411)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là số dư Có của TK 4111 "Vốn đầu tư của chủ sở hữu" số tiền là **85.584.185.076** đồng.

2. Thặng dư vốn cổ phần (Mã số 412)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

3. Vốn khác của chủ sở hữu (Mã số 413)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

4. Cổ phiếu quỹ (Mã số 414)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Mã số 415)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (Mã số 416)

Công ty không phát sinh chỉ tiêu này

7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Mã số 417)

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số dư Có của TK 421 "Lãi chưa phân phối" số tiền là **16.092.441.202 đồng**

$Mã số 400 = Mã số 411 + Mã số 412 + Mã số 413 + Mã số 414 + Mã số 415 +$
 $Mã số 416 + Mã số 417 = 85.584.185.076 + 0 + 0 + 0 + 0 + 0 + 16.092.441.202 =$
101.676.626.278 đồng

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN - Mã số 500

$Mã số 500 = Mã số 300 + Mã số 400 = 54.322.774.720 + 101.676.626.278 =$
155.999.400.998 đồng

Lập các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính: Công ty không phát sinh chỉ tiêu này.

Sau đây là Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương ngày 31/12/2017. **(Biểu số 2.12)**

Biểu 2.12 : Báo cáo tình hình tài chính của Công ty năm 2017

Đơn vị báo cáo:Công ty TNHH TM Hà Vương
Địa chỉ: : Km 87 Quốc lộ 5, Nam Sơn,
 An Dương, Hải Phòng

Mẫu số B01a – DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10.025.057.723	4.860.159.777
II. Đầu tư tài chính	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123			
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		(...)	(...)
III. Các khoản phải thu	130		19.992.006.284	9.888.976.424
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133			
4. Phải thu khác	134			
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135			
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136			
IV. Hàng tồn kho	140		116.893.355.742	108.077.598.543
1. Hàng tồn kho	141		116.893.355.742	108.077.598.543
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142			
V. Tài sản cố định	150		3.645.542.015	4.658.807.652
– Nguyên giá	151		10.532.656.481	10.532.656.481
– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		(6.887.114.466)	(5.873.848.829)
VI. Bất động sản đầu tư	160			
– Nguyên giá	161			

– Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		(...)	(...)
VII. XDCB dở dang	170		982.775.395	982.775.395
VIII. Tài sản khác	180		4.460.663.839	76.661.997
1.Thuế GTGT được khấu trừ	181		976.117.839	0
2.Tài sản khác	182		3.484.546.000	76.661.997
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170+180)	200		155.999.400.998	128.544.979.788
NGUỒN VỐN				
I.Nợ phải trả	300		54.332.774.720	26.709.063.862
1.Phải trả người bán	311			
2.Người mua trả trước	312			
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313			
4.Phải trả người lao động	314			
5.Phải trả khác	315			
6.Vay và nợ thuê tài chính	316		54.314.712.798	26.701.001.940
7.Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317			
8.Dự phòng phải trả	318			
9.Quỹ khen thưởng phúc lợi	319		8.061.922	8.061.922
10.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320			
II.Vốn chủ sở hữu	400		101.676.626.278	101.835.915.926
1.Vốn góp chủ sở hữu	411		85.584.185.076	85.584.185.076
2.Thặng dư vốn góp cổ phần	412			
3.Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4.Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6.Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		16.092.441.202	16.251.730.850
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	500		155.999.400.998	128.544.979.788

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2018
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- **Bước 6: Kiểm tra, ký duyệt**

Sau khi lập xong Báo cáo tình hình tài chính , kế toán trưởng kiểm tra lại một lần nữa, sau đó ký duyệt. Cuối cùng, Báo cáo tình hình tài chính, các báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên Giám đốc xem xét và ký duyệt. Như vậy, công tác lập Báo cáo tình hình tài chính của Công ty TNHH TM Hà Vương được hoàn thành.

2.3 : Thực trạng công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương

Tại Công ty TNHH TM Hà Vương không tiến hành việc phân tích Báo cáo tình hình tài chính . Phân tích Báo cáo tình hình tài chính là một trong những căn cứ quan trọng để các nhà quản trị Công ty có thể đưa ra những đánh giá toàn diện và sát thực về tình hình tài sản, nguồn vốn của Công ty. Chính vì vậy Công ty đã bỏ qua một công cụ đặc lực trong công tác quản trị kinh doanh của công ty mình.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TẠI CÔNG TY TNHH TM HÀ VƯƠNG.

3.1: Một số định hướng phát triển của Công ty TNHH TM Hà Vương trong thời gian tới.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế và trước những yêu cầu nghiêm ngặt của quá trình hội nhập, những thách thức và biến động của thị trường quốc tế nói chung và trong nước nói riêng. Công ty TNHH TM Hà Vương đã có những định hướng cụ thể trong thời gian tới:

- Đẩy mạnh hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mở rộng thị trường.
- Khai thác và sử dụng hiệu quả các loại nguồn vốn, nhanh chóng thu hồi công nợ và nâng cao hoạt động tài chính của Công ty.
- Thực hiện tốt các cam kết đã ký trong hợp đồng mua bán, hợp đồng tín dụng.
- Chăm lo tốt cho đời sống vật chất cũng như tinh thần cho các cán bộ công nhân viên, thường xuyên đào tạo bồi dưỡng thêm kiến thức chuyên môn cho nhân viên trong Công ty.

3.2 : Những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính nói riêng Công ty TNHH TM Hà Vương

3.2.1 : Những ưu điểm:

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới, phù hợp với nền kinh tế thị trường. Lãnh đạo các phòng chức năng ngoài thực hiện các nhiệm vụ chính của mình còn tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo đơn vị. Cơ cấu quản lý trực tuyến chức năng kết hợp với công tác quản lý theo chiều dọc, chiều ngang tạo cho cơ cấu quản lý không bị vướng mắc, chông chéo lẫn nhau, tạo mối quan hệ gắn bó giữa các thành phần trong tổ chức.

- Về bộ máy kế toán và hệ thống sổ sách kế toán.

+ Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung và được thực hiện tại Phòng Kế toán. Mô hình này giúp cho việc thực hiện các công việc của nhân viên kế toán tốt hơn. Kế toán vừa phát huy được trình độ của mình, vừa đảm bảo sự tập trung thống nhất trong công tác kế toán.

+ Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi nhận đầy đủ, chính xác tại phòng kế toán của Công ty. Công việc hàng ngày đều được phân công rõ ràng cho từng người dưới sự điều hành của kế toán trưởng.

+ Công ty áp dụng đúng hệ thống sổ sách của chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính, thực hiện đúng phương pháp kế toán hàng tồn kho, tính giá trị hàng xuất kho, trích khấu hao TSCĐ như đăng ký ban đầu. Hệ thống tài khoản của Công ty luôn được cập nhật theo quyết định mới nhất.

+ Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung, hình thức này vừa mang tính chất tổng hợp, vừa mang tính chất chi tiết, phù hợp với trình độ của kế toán viên, giúp công tác quản lý, tìm kiếm dữ liệu được tiến hành một cách thuận tiện, nhanh chóng.

- *Về công tác lập và phân tích báo cáo tình hình tài chính*

+ Báo cáo tình hình tài chính được lập đúng theo chế độ kế toán ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

+ Các chứng từ được giám sát, kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ, đảm bảo chính xác nội dung và số liệu trên sổ sách và Báo cáo tài chính.

+ Các báo cáo tài chính luôn được đảm bảo kịp thời, chính xác nhằm phục vụ cho việc minh bạch hóa tình hình tài chính.

3.2.2 : Mặt hạn chế

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán tại Công ty vẫn còn những mặt hạn chế sau:

+ Công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán áp dụng cho công việc kế toán nói chung và lập BCTC, BCTHTC nói riêng. Do đó thông tin kế toán cung cấp thường chậm quá thời hạn và thiếu chính xác, lượng thông tin chưa cao, kế toán phải mất nhiều thời gian và công sức trong việc lập BCTC cũng như lập BCTHTC.

+ Trình độ chuyên môn của đội ngũ kế toán chưa đồng đều, dẫn tới việc phối hợp thiếu nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán, khó tránh khỏi những vướng mắc trong việc tổng hợp số liệu để lập BCTC.

+ Sau khi lập BCTC, Công ty chưa tiến hành phân tích BCTC nói chung cũng như BCTHTC nói riêng nên chưa thể thấy rõ được tình hình tài chính, tình hình biến động về tài sản và nguồn vốn của Công ty. Vì vậy nên chưa đáp ứng kịp thời thông tin cho nhà quản lý để họ có thể đưa ra các quyết định quản lý tài

chính một cách chính xác và đầy đủ nhất, cũng như đưa ra những giải pháp khắc phục các hạn chế còn tồn tại trong Công ty.

3.3 : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương.

Qua thời gian thực tập tại Công ty, em đã tìm hiểu được những ưu và nhược điểm trong công tác hạch toán kế toán và lập Báo cáo tài chính như đã trình bày ở trên. Vận dụng những kiến thức đã học, em xin nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương.

3.3.1 Ý kiến thứ nhất: Nâng cao trình độ cho nhân viên kế toán.

Các nhân viên kế toán của Công ty có trình độ chuyên môn chưa đồng đều, dẫn tới việc phối hợp thiếu nhịp nhàng giữa các phần hành kế toán, khó tránh khỏi những vướng mắc trong việc tổng hợp số liệu để lập BCTC. Công ty cần đưa ra chính sách nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên kế toán như là đăng ký cho nhân viên của Công ty mình tham gia học những lớp về nghiệp vụ chuyên môn kế toán, tìm hiểu sâu hơn về hoạt động kế toán cũng như phân tích Báo cáo tài chính để giúp cho công tác kế toán được chính xác hơn, có thể đưa ra những thông tin đáng tin cậy và hữu ích cho nhà quản trị. Từ đó giúp nhà quản lý đưa ra được những chính sách, phương hướng để Công ty phát triển hơn trong tương lai.

3.3.2 Ý kiến thứ hai: Công ty TNHH TM Hà Vương nên thực hiện công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính.

Báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo tình hình tài chính nói riêng có vai trò hết sức quan trọng. Nó cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính chủ yếu, giúp cho nhà quản trị đánh giá được tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời đưa ra các quyết định chuẩn xác trong quá trình kinh doanh ở tương lai. Mà số liệu trong BCTHTC là nguồn căn cứ quan trọng cho việc đề ra các quyết định về quản lý. Do đó, Công ty cần coi trọng và tiến hành phân tích BCTHTC một cách chi tiết, đầy đủ.

Để phân tích BCTHTC một cách hiệu quả, Công ty nên lập kế hoạch phân tích cụ thể theo trình tự sau:

• Bước 1: Lập kế hoạch phân tích.

- Chỉ rõ nội dung phân tích.
- Chỉ rõ các chỉ tiêu cần phân tích.

- Chỉ rõ khoảng thời gian phân tích, thời gian bắt đầu và thời gian kết thúc quá trình phân tích.
- Xác định người thực hiện phân tích và chi phí cần thiết cho hoạt động phân tích.

• ***Bước 2: Thực hiện công tác phân tích.***

Thực hiện công việc phân tích dựa trên những số liệu đã tổng hợp được, các phương pháp phân tích đã chọn để tiến hành phân tích theo mục tiêu đã đề ra. Sau đó tổng hợp kết quả và rút ra kết luận. Sau khi phân tích xong, tiến hành lập các bảng đánh giá tổng hợp và đánh giá chi tiết.

• ***Bước 3: Lập báo cáo phân tích (Kết thúc quá trình phân tích).***

- Đánh giá những ưu điểm và nhược điểm cơ bản trong kỳ của doanh nghiệp.
- Chỉ ra những nguyên nhân, nhân tố ảnh hưởng đến kết quả phân tích đó.
- Đề xuất những biện pháp nhằm khắc phục những thiếu sót, phát huy những mặt tốt, đồng thời khai thác những khả năng tiềm tàng của Công ty.

Để phân tích tình hình tài chính thông qua Báo cáo tình hình tài chính công ty nên thực hiện các nội dung phân tích cụ thể sau đây:

a) **Phân tích sự biến động và cơ cấu của tài sản tại Công ty TNHH TM Hà Vương.**

Phân tích sự biến động và cơ cấu của tài sản, nguồn vốn là đánh giá tình hình phân bổ cũng như sự thay đổi của tài sản, nguồn vốn của Công ty có hợp lý hay chưa? Từ đó nhà quản lý Công ty có thể đưa ra các biện pháp điều chỉnh phù hợp, giúp cho công tác quản lý của Công ty ngày càng hiệu quả hơn.

Căn cứ vào Báo cáo tình hình tài chính của Công ty TNHH TM Hà Vương năm 2017, ta tiến hành lập bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản như sau: (Biểu 3.1)

Biểu 3.1: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản của Công ty TNHH TM Hà Vương*Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch		Tỷ trọng	
			Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm (%)	Số cuối năm (%)
TÀI SẢN						
I. Tiền và các khoản TĐ tiền	4.860.159.777	10.025.057.723	5.164.897.946	106,27	3,78	6,43
II. Đầu tư tài chính	-	-	-	-	-	-
III. Các khoản phải thu	9.888.976.424	19.992.006.284	10.033.029.860	101,46	7,69	12,82
IV. Hàng tồn kho	108.077.598.543	116.893.355.742	8.815.757.199	8,16	84,08	74,93
V. Tài sản cố định	4.658.807.652	3.645.542.015	(1.013.265.637)	(21,75)	3,62	2,34
VI. Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
VII. XDCB dở dang	982.775.395	982.775.395	-	-	-	-
VII. Tài sản khác	76.661.997	4.460.663.839	4.384.001.842	57,19	0,06	2,86
Cộng tài sản	128.544.979.788	155.999.400.998	27.454.421.210	21,36	100	100

Nhận xét:

Qua bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản ta có một số nhận xét sau: Tổng tài sản của công ty cuối năm so với đầu năm tăng 27.454.421.210, tương ứng với tỷ lệ tăng là 21,36%. Trong đó:

Chỉ tiêu “ Tiền và các khoản tương đương tiền ” cuối năm so với đầu năm tăng 5.164.897.946 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng là 106,27 %. Xét trên góc độ khả năng thanh toán thì đây là biểu hiện tốt vì Công ty đã có lượng tiền dự trữ tăng lên để đáp ứng nhu cầu thanh toán của Công ty, nhất là khi doanh nghiệp có nhu cầu thanh toán ngay.

Chỉ tiêu Hàng tồn kho: vào cuối năm 2017 giảm 8.815.757.199 đồng tương đương giảm 8,16 % so với năm 2016, trong đó cơ cấu của năm 2016 và 2017 đạt 84,08 % và 74,93 % trong tổng tài sản.

Năm 2017 chỉ tiêu “đầu tư tài chính” không phát sinh

Chỉ tiêu “ Các khoản phải thu ” theo phân tích số liệu trên các khoản phải thu tăng mạnh. Vào cuối năm 2017 tỷ lệ tăng 101,46% so với năm 2016; tức là tăng 10.033.029.860 đồng; cơ cấu của tổng tài sản thì tỷ trọng khoản mục này có sự tăng mạnh từ 7,69 % vào năm 2016 lên thành 12,82% vào cuối năm 2017. Điều này cho thấy công ty đã có sự điều chỉnh chưa hợp lý dẫn đến việc bị chiếm dụng vốn, bị khách hàng mua chịu. Đồng thời cũng cho thấy công ty làm chưa tốt công tác thu hồi công nợ, làm đọng vốn trong thanh toán. Điều này làm cho việc sử dụng vốn không tăng. Do đó, Công ty cần phải có những biện pháp nâng cao nghiệp vụ thu hồi nợ đọng nhanh chóng để nâng cao hiệu quả dòng của vốn. Qua tình hình kết quả phân tích ở trên, Công ty cần có những biện pháp sau:

- Yêu cầu khách hàng ký thoả thuận, quy định việc thanh toán bắt buộc phải thực hiện đúng hạn và nêu rõ mức phạt khách hàng phải chịu nếu thanh toán chậm.
- Xác định rõ cá nhân có trách nhiệm thu hồi nợ, có chính sách thưởng xứng đáng cho nhân viên thu tiền.
- Đối với các khoản nợ xấu như nợ khó đòi, nợ quá hạn, để giảm bớt rủi ro có thể xảy ra doanh nghiệp cần có các biện pháp thích hợp như: bán các khoản phải thu nợ cho công ty mua bán nợ, ngừng cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho những đơn hàng mới.

Chỉ tiêu “ tài sản cố định ” cuối năm 2017 giảm 1.013.265.637 đồng tương đương giảm 21,75 so với năm 2016. Điều này chứng tỏ cơ sở vật chất kỹ thuật

của doanh nghiệp chưa được nâng cao. Đây là biểu hiện không tốt, vì vậy trong thời gian tới Công ty nên xem xét và đầu tư thêm để nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Công ty nên có những giải pháp sau:

- Nâng cao máy móc thiết bị trong tất các khâu
- Nghiên cứu ứng dụng có hiệu quả công nghệ sản xuất mới, ứng dụng các phương pháp sản xuất có hiệu quả nhất.
- Giải quyết tốt các nguồn thu nhập và phân phối thu nhập.

b) Phân tích sự biến động và cơ cấu nguồn vốn tại Công ty TNHH TM Hà Vương.

Công tác đánh giá tình hình tài chính của Công ty sẽ không đầy đủ nếu chỉ dựa vào phân tích sự biến động và cơ cấu của tài sản. Vì vậy, để hiểu rõ hơn tình hình tài chính của Công ty, chúng ta cần phải kết hợp phân tích sự biến động và cơ cấu của nguồn vốn. Dưới đây là bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty TNHH TM Hà Vương (Biểu 3.2).

Biểu 3.2: Bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn của Công ty TNHH TM Hà Vương*Đơn vị tính: VNĐ*

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch		Tỷ trọng	
			Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)	Số đầu năm (%)	Số cuối năm (%)
NGUỒN VỐN						
I.Nợ Phải trả	26.709.063.862	54.322.774.720	27.613.710.860	103,38	20,78	34,82
+ Nợ ngắn hạn	26.709.063.862	54.322.774.720	27.613.710.860	103,38	20,78	34,82
+ Nợ dài hạn	-	-	-	-	-	-
II.Vốn chủ sở hữu	101.835.915.926	101.676.626.278	(159.289.648)	(0,16)	79,22	65,17
+ Vốn chủ sở hữu	101.835.915.926	101.676.626.278	(159.289.648)	(0,16)	79,22	65,17
Tổng cộng nguồn vốn	128.544.979.788	155.999.400.998	27.454.421.210	21,36	100	100

Nhận xét:

Phân tích cơ cấu nguồn vốn chúng ta thấy, để có vốn cho hoạt động kinh doanh, Công ty đã huy động từ những nguồn nào và mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến sự biến động của nguồn vốn. Qua đó có thể thấy mức độ hoạt động tài chính và khả năng thanh toán đối với các khoản nợ của Công ty.

Thông qua số liệu tính toán được ở Biểu 3.2 ta thấy Tổng nguồn vốn của năm 2017 so với năm 2016 tăng 27.454.421.210 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng 21,36%. Điều đó chứng tỏ trong năm 2017 khả năng đáp ứng nhu cầu về vốn của Công ty tăng lên, do đó Công ty có điều kiện mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh. Trong đó:

Chỉ tiêu “*Nợ phải trả*” của Công ty năm 2016 là 26.709.063.862 đồng, chiếm tỷ trọng 20,78% trong tổng số nguồn vốn. Đến năm 2017 chỉ tiêu này tăng lên 54.332.774.720 đồng, chiếm 34,82%. Điều đó chứng tỏ Công ty tăng các khoản nợ vay, đây có thể xem là chiều hướng không tốt, doanh nghiệp cần khắc phục trong thời gian tới.

Vốn chủ sở hữu năm 2017 so với năm 2016 giảm 159.289.648 đồng, tương ứng với tỉ lệ giảm 0,16 %. Điều này chứng tỏ khả năng tự tài trợ của doanh nghiệp bị đi xuống, doanh nghiệp chưa chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm được điều này, Công ty cần có những biện pháp: Tiết kiệm và giảm bớt các chi phí và làm tăng thêm thu nhập, phát triển vốn từ bên ngoài ngân hàng.

c, Phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua một số chỉ số tài chính cơ bản.

Từ số liệu của Bảng cân đối kế toán (Biểu 2.12), ta lập được Bảng phân tích khả năng thanh toán của Công ty như sau (Biểu 3.3):

Biểu 3.3: Bảng phân tích khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Công thức tính	Năm 2017 (lần)	Năm 2016 (lần)	Chênh lệch (lần)
1. Hệ số thanh toán tổng quát	$\frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Nợ phải trả}}$	2,872	4,813	(1,941)
2. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	$\frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	2,872	4,813	(1,941)
3. Hệ số thanh toán nhanh	$\frac{\text{Tiền và các khoản tương đương}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	0,185	0,182	0,003

Hệ số thanh toán tổng quát: Năm 2017 là 2,872 thấp hơn so với năm 2016 là 4,813. Hệ số này cho biết năm 2017, cứ một đồng tiền vay thì có 2,872 đồng tài sản đảm bảo. Tuy giảm nhưng ở cả hai năm hệ số này đều lớn hơn 1 chứng tỏ Công ty có đủ khả năng thanh toán các khoản vay.

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn: Thể hiện mức độ đảm bảo của Tài sản ngắn hạn với Nợ ngắn hạn. Năm 2016, cứ một đồng Nợ ngắn hạn được đảm bảo bằng 4,813 đồng Tài sản ngắn hạn, năm 2017 thì một đồng Nợ ngắn hạn được đảm bảo thanh toán bằng 2,872 đồng Tài sản ngắn hạn. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của năm 2017 thấp hơn so với năm 2016, đó là dấu hiệu báo trước khó khăn tiềm ẩn về tài chính mà doanh nghiệp có thể gặp phải trong tương lai.

Hệ số thanh toán nhanh: Đây có thể là thước đo về huy động tài sản có khả năng quy đổi ngay thành tiền để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn giúp cho các nhà cung cấp sẽ quyết định được thời gian cho doanh nghiệp nợ là bao nhiêu. Hệ số này bằng 0,182 năm 2016 và tăng lên 0,185 vào năm 2017. Hệ số của cả 2 năm đều nhỏ hơn 1 cho thấy Công ty đang gặp khó khăn trong việc thanh toán nợ đến hạn.

3.3.3 Ý kiến thứ ba: Công ty TNHH TM Hà Vương nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Trong thời buổi kinh tế thị trường hiện nay, việc cung cấp các thông tin đòi hỏi chính xác và kịp thời. Hơn nữa khối lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty ngày càng nhiều, nhưng Công ty vẫn đang sử dụng hình thức kế toán thủ công. Điều này sẽ tạo thêm gánh nặng cho các kế toán viên, và có thể xảy ra

những sai sót trong quá trình hạch toán, đưa ra thông tin không chính xác làm ảnh hưởng đến quyết định của lãnh đạo Công ty.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán dành cho doanh nghiệp, vừa dễ sử dụng mà giá cả lại phù hợp. Có thể kể đến một số phần mềm hay được sử dụng như: MISA, FAST Accounting, BRAVO, Acc Pro,...v...v...

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019 gồm 13 phân hệ, được thiết kế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục đích giúp cho các doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sử dụng và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý các nghiệp vụ phát sinh của mình. Phần mềm này rất dễ sử dụng và luôn được cập nhật những chế độ tài chính mới nhất. Ngoài ra, phần mềm còn sẵn sàng kết nối với hệ thống của cơ quan thuế để gửi dữ liệu hóa đơn điện tử và nhận hóa đơn đã được cấp mã theo đúng nghị định 119/2018/NĐ-CP.

(Biểu 3.4)



Biểu 3.4: Giao diện làm việc của phần mềm kế toán MISA SME.NET 2019

- **Phần mềm kế toán BRAVO 6.3SE**

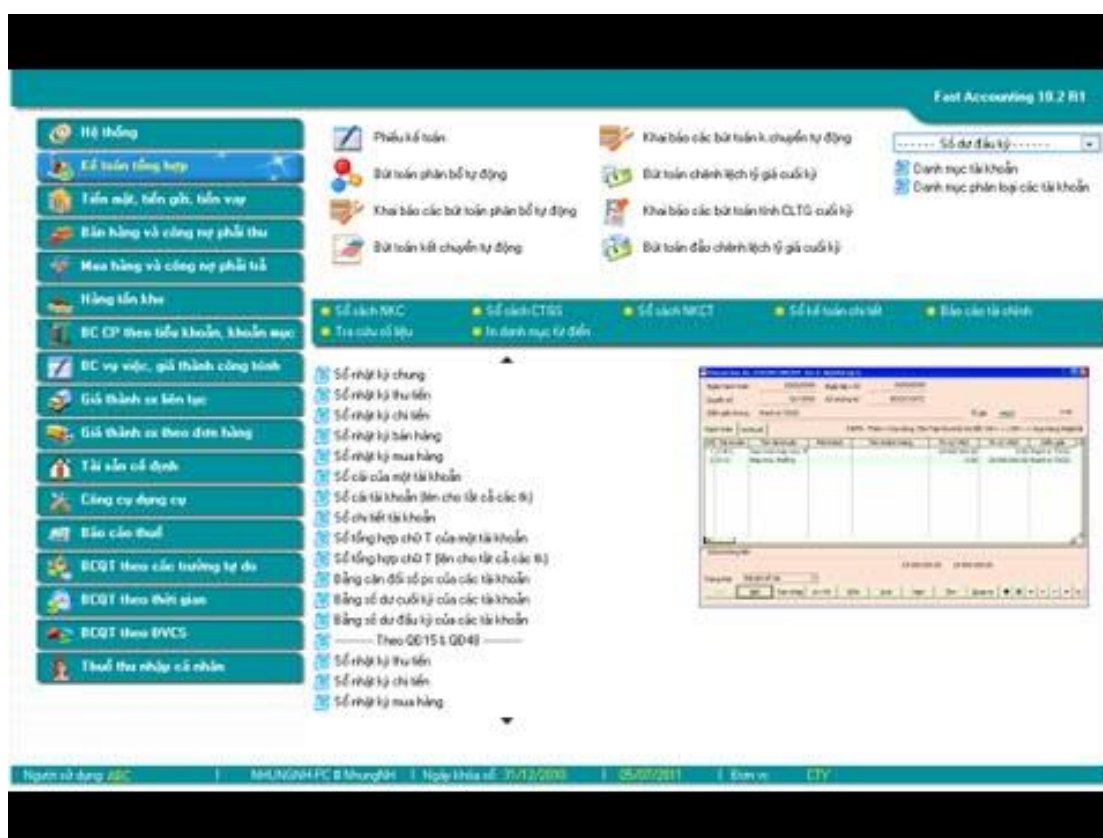
Phần mềm kế toán Bravo có nhiều tính năng nổi trội, cho phép các doanh nghiệp triển khai hiệu quả các phần hành thuộc nghiệp vụ kế toán như theo dõi sổ sách kế toán, nắm rõ việc thu, mua, bán hàng hóa, quản lý tài sản và hàng tồn kho, tính giá thành sản phẩm,... Đặc biệt, phần mềm này cho phép liên kết dữ liệu số liệu, có chức năng tìm và tự sửa lỗi dữ liệu, tự sao lưu số liệu theo lịch đã lập. Hơn nữa, người dùng có thể điều chỉnh tự do, tùy theo nhu cầu của doanh nghiệp để xây dựng chương trình riêng (Biểu 3.5).



Biểu 3.5: Giao diện làm việc phần mềm kế toán Bravo 6.3SE

- **Phần mềm kế toán Fast Accounting**

Phần mềm kế toán Fast Accounting Ưu điểm của phần mềm này là giao diện cũng rất dễ làm việc, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, và xử lý dữ liệu số liệu một cách nhanh, cho phép kết xuất báo cáo ra Excel với mẫu biểu sắp xếp đẹp. (Biểu 3.6).



Biểu 3.6: Giao diện làm việc của phần mềm kế toán Fast Accounting

Kết luận :

Qua tìm hiểu một số phần mềm kế toán hay dùng, có thể sử dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là phù hợp với hình thức kinh doanh của Công ty, em thấy phần mềm kế toán MISA là phù hợp nhất. Bên cạnh những tính năng hữu hiệu, giá cả hợp lý, MISA là phần mềm phổ biến thường được đưa vào nội dung giảng dạy tại các trường đại học và các trung tâm kế toán. Vì vậy, áp dụng phần mềm này trong quá trình hạch toán kế toán sẽ thuận tiện hơn rất nhiều, giảm áp lực đối với nhân viên kế toán.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận, cùng với việc tìm hiểu thực tế về công tác tổ chức lập và phân tích Bảng cân đối kế toán tại Công ty TNHH TM Hà Vương em nhận thấy được vai trò hết sức quan trọng của những thông tin kế toán mà Báo cáo tài chính mang lại cũng như thông tin phân tích tài chính đối với chủ doanh nghiệp và những đối tượng khác nhau quan tâm đến vấn đề tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH TM Hà Vương em đã có điều kiện tiếp xúc thực tế công tác tổ chức lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Do đó em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo tình hình tài chính tại Công ty TNHH TM Hà Vương” làm chuyên đề tốt nghiệp của mình. Chuyên đề đã đề cập đến những vấn đề cơ bản như khái quát được công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính; đưa ra những ưu điểm, nhược điểm và những biện pháp để hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo tình hình tài chính.

Đề tài đã đi vào phân tích thực trạng tác quản lý, sử dụng tài sản và nguồn vốn năm 2017 tại Công ty TNHH TM Hà Vương theo chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính, từ đó thấy được một số ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

- Ưu điểm: Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

+ Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.

- Hạn chế: Về hệ thống sổ kế toán chi tiết và hệ thống tài khoản chi tiết: chưa theo dõi tốt công nợ của khách hàng dẫn đến việc bị chiếm dụng vốn, chưa làm tốt việc thu hồi công nợ của khách hàng, chưa thể hiện được sự quy mô, cơ sở vật chất kỹ thuật được nâng cao.

Từ thực trạng nêu trên, đề tài đã đưa ra được một số giải pháp nhằm quản lý, sử dụng tài sản và nguồn vốn tại Công ty TNHH TM Hà Vương:

Công ty nên nâng cao trình độ của đội ngũ nhân viên kế toán.

Công ty nên thực hiện công tác phân tích Báo cáo tình hình tài chính theo định kì.

Công ty TNHH TM Hà Vương nên áp dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2003), *Chuẩn mực Kế toán số 21- Trình bày Báo cáo Tài chính, theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.*
2. Bộ Tài chính (2016), *Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính.*
3. Công ty TNHH TM Hà Vương (2017), *Tài liệu, sổ sách, Báo cáo tài chính.*